

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

Du lịch từ lâu đã được mọi người quan tâm, ngày nay với sự phát triển cao của nền kinh tế và khoa học kỹ thuật đời sống của con người ngày càng được nâng cao, nhu cầu đi du lịch cũng được nâng cao hơn. Do đó việc nghiên cứu, bảo tồn, khai thác các tài nguyên du lịch trên thế giới và ở Việt Nam là một tất yếu góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân, đưa kinh tế phát triển.

Hải Dương là tỉnh có vị trí thuận lợi cho giao lưu kinh tế văn hoá và phát triển du lịch do nằm trong tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và nằm trong vùng du lịch Bắc Bộ. Hoạt động du lịch được đáp ứng tốt về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng.

Hải Dương là tỉnh có nhiều tài nguyên du lịch đa dạng và giàu bản sắc bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên như các hang động, các khu sinh thái chim nước hay mỏ nước khoáng Thạch Khê; tài nguyên du lịch nhân văn có các di tích lịch sử văn hoá, các lễ hội, làng nghề, văn hoá nghệ thuật, các món đặc sản hấp dẫn. Do đó có thể phát triển được nhiều loại hình du lịch.

Tuy nhiên các tài nguyên du lịch Hải Dương vẫn còn ở dạng tiềm năng chưa được khai thác bảo tồn có hiệu quả. Vì vậy khi nhắc đến du lịch Hải Dương người ta mới chỉ biết đến một vài điểm du lịch : Côn Sơn, Kiếp Bạc, Đảo Cò, sân gôn Chí Linh,... Hầu hết các điểm du lịch này đều mới chỉ phát triển nhằm vào mục tiêu kinh tế chứ không mấy chú trọng tới việc bảo tồn, tôn tạo tài nguyên, khai thác tài nguyên chưa khoa học, kém hiệu quả...

Xuất phát từ thực tế đó tác giả đã chọn đề tài nghiên cứu cho khoá luận tốt nghiệp là : “Tài nguyên du lịch Hải Dương – vấn đề khai thác nhằm phát triển bền vững”

2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

2.1 Mục đích

Nhìn nhận đánh giá đúng tài nguyên du lịch của Hải Dương, giúp cho những ai quan tâm đến du lịch Hải Dương sẽ có cái nhìn toàn diện hơn về nguồn tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng của tỉnh.

Vận dụng kiến thức đã học vào hoàn cảnh cụ thể của Hải Dương để đưa ra một số giải pháp góp phần bảo tồn và khai thác hợp lý các tài nguyên.

2.2 Nhiệm vụ của đề tài

- Tìm hiểu về các loại tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn ở Hải Dương trong việc khai thác vào phát triển du lịch.
- Đưa ra một số giải pháp cho việc bảo tồn, tôn tạo, khai thác tài nguyên hợp lý.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

—Đối tượng của đề tài : tập trung nghiên cứu hoạt động khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn của tỉnh Hải Dương.

—Phạm vi nghiên cứu : Đề tài nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi tỉnh Hải Dương. Song vì kiến thức còn hạn chế nên chỉ đánh giá những mặt hạn chế trong hoạt động khai thác tài nguyên trong giai đoạn hiện nay để nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp.

4. Khó khăn và thuận lợi khi lựa chọn đề tài

Để hoàn thành khoá luận này tác giả cũng gặp phải một số khó khăn trong quá trình thực hiện: nguồn tài liệu mang tính cập nhật chưa phong phú và còn tản mạn.

Bên cạnh đó tác giả cũng có những thuận lợi: được sự giúp đỡ và chỉ bảo nhiệt tình của thầy hướng dẫn, sự giúp đỡ về tư liệu của các cô, chú Sở Văn hoá - thể thao – Du lịch Hải Dương.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu.

- Phương pháp kiểm kê, đánh giá.
- Phương pháp điền dã.

6. Kết cấu của khoá luận

Khoá luận ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phụ lục, và phần tài liệu tham khảo, phần nội dung được chia làm 3 chương:

- Chương 1: Tài nguyên du lịch và vấn đề bảo tồn tài nguyên du lịch.
- Chương 2: Thực trạng khai thác tài nguyên du lịch và phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương.
- Chương 3: Một số kiến nghị cho việc bảo tồn, tôn tạo, khai thác tài nguyên nhằm phát triển du lịch bền vững của tỉnh Hải Dương.

Do thời gian tìm hiểu, kiến thức lý luận và thực tế của người viết còn nhiều hạn chế nên nội dung của khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để tác giả có thể bổ sung kiến thức cho bài viết của mình được hoàn chỉnh hơn.

Nhân đây tác giả bày tỏ lòng cảm ơn đến các cô các chú Sở Văn hoá – Thể thao – Du lịch Hải Dương, Bảo tàng Hải Dương, các thầy có giáo trong bộ môn Văn hoá – Du lịch trường ĐHDL Hải Phòng, đặc biệt tác giả xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc đến TS. Nguyễn Văn Bính - người đã tận tâm hướng dẫn tác giả hoàn thành khoá luận này.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2009

Sinh viên thực hiện

Lê Thị Hà

CHƯƠNG 1

TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN TÀI NGUYÊN DU LỊCH

1.1 Tài nguyên du lịch

1.1.1. Khái niệm về tài nguyên - du lịch.

Tài nguyên du lịch là một dạng đặc sắc của tài nguyên nói chung, đến nay có nhiều quan niệm có nội hàm giống nhau song từ ngữ lại khác nhau về tài nguyên du lịch.

“ Tài nguyên du lịch là tổng thể tài nguyên và văn hoá lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục và phát triển thể lực và trí lực của con người, khả năng lao động và sức khoẻ của họ, những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp cho việc sản xuất dịch vụ du lịch”.

Tại khoản 4 điều 4 chương I – Luật du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: “ Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hoá, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, tuyến du lịch đô thị du lịch”

Tài nguyên du lịch là tiền đề quan trọng để phát triển du lịch, tài nguyên càng phong phú, đặc sắc thì càng có sức hấp dẫn du khách và hoạt động du lịch càng cao.

Tài nguyên du lịch bao gồm các yếu tố liên quan đến tự nhiên, điều kiện lịch sử, kinh tế, văn hoá - xã hội vốn có trong tự nhiên hoặc do con người tạo dựng lên. Các yếu tố này luôn tồn tại và gắn liền với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội đặc thù của mỗi địa phương, mỗi quốc gia tạo nên những giá trị tài nguyên đặc sắc của mỗi địa phương, quốc gia đó. Khi các yếu tố này được phát hiện sử dụng vào mục đích phát triển du lịch thì chúng trở thành tài nguyên.

1.1.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch.

Để có thể khai thác, bảo vệ, tôn tạo các tài nguyên du lịch theo định hướng phát triển du lịch bền vững các phải nghiên cứu các đặc điểm của tài nguyên du lịch.

1.1.2.1. Tài nguyên du lịch có tính phong phú đa dạng trong đó có nhiều tài nguyên đặc sắc và độc đáo cá sức hấp dẫn lớn đối với du khách.

Đây là đặc điểm tạo nên sự phong phú của các sản phẩm du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của du khách. Ví dụ có sự kết hợp nhiều loại tài nguyên cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn đặc sắc hấp dẫn du khách.

1.1.2.2 Tài nguyên du lịch bao gồm cả những giá trị hữu thể và vô thể.

Các giá trị này của tài nguyên du lịch nhiều khi kết hợp chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau tăng thêm giá trị của các điểm tài nguyên. Ví dụ, tài nguyên du lịch ở Hội An bao gồm những giá trị hữu hình của hệ thống các khu phố cổ, chùa, cầu, các di chỉ khảo cổ, di tích lịch sử văn hoá.... Cùng các giá trị vô thể như: lịch sử phát triển, giá trị văn hoá, giá trị lịch sử....

1.1.2.3. Tài nguyên du lịch thường dễ khai thác.

Hầu hết các tài nguyên du lịch được khai thác phục vụ du lịch là các tài nguyên vốn đã sẵn có trong tự nhiên do tạo hoá sinh ra hoặc do con người tạo dựng lên và thường dễ khai thác. Ví dụ, một thác nước, một bãi biển, một hồ nước tự nhiên hay nhân tạo đều có thể trở thành điểm du lịch. Đây là nguồn tài nguyên vô giá.

1.1.2.4. Tài nguyên du lịch có thời gian khai thác khác nhau.

Trong các tài nguyên du lịch có tài nguyên có khả năng khai thác quanh năm như các di tích lịch sử, một số tài nguyên du lịch nhân văn khác. cũng có những tài nguyên khai thác ít nhiều phụ thuộc vào thời vụ, ví dụ du lịch biển, leo núi..... sự phụ thuộc này chủ yếu dựa theo quy luật diễn biến của thời tiết khí hậu.

Vì thế các địa phương, những nhà quản lý điều hành và tổ chức các hoạt động kinh doanh du lịch dịch vụ cũng như du khách, đều phải quan tâm đến tính chất này để có biện pháp chủ động điều tiết tổ chức nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong hoạt động kinh doanh du lịch.

1.1.2.5. Tài nguyên du lịch được khai thác tại chỗ để tạo ra các sản phẩm du lịch.

Các sản phẩm du lịch được khách đến tận nơi thưởng thức. Đây là một tài nguyên du lịch khác với tài nguyên khác và là lợi thế của tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Vì thế muốn khai thác các tài nguyên này có hiệu quả cần phải chuẩn bị tốt các cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và các phương tiện vận chuyển khách du lịch chất lượng tốt, số lượng và quy mô phù hợp.

1.1.2.6. Tài nguyên du lịch nếu được bảo vệ tôn tạo khai thác hợp lý đảm bảo sự tái tạo của tài nguyên thì tài nguyên du lịch có thể sử dụng nhiều lần.

Tài nguyên du lịch được xếp vào loại tài nguyên có khả năng phục hồi và sử dụng lâu dài. Đó là một thuộc tính của tài nguyên du lịch, cơ sở quan trọng để hoạt động du lịch có thể hoạt động theo hướng bền vững.

Vấn đề chính là phải nắm vững được quy luật tự nhiên, lường trước được sự thử thách khắc nghiệt của thời gian và những biến động đổi thay do con người tạo nên. Từ đó có các biện pháp cụ thể để khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên du lịch không ngừng bảo vệ tôn tạo và hoàn thiện tài nguyên nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch.

1.1.3. Ý nghĩa của tài nguyên du lịch.

1.1.3.1. Ý nghĩa kinh tế.

Tài nguyên du lịch có vai trò đối với hoạt động du lịch được thể hiện cụ thể:

Tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch

Sản phẩm du lịch được tạo nên bởi nhiều nhân tố song đầu tiên phải kể đến tài nguyên du lịch. Sự phong phú đa dạng của tài nguyên du lịch đã tạo nên sự đa dạng phong phú hấp dẫn của sản phẩm du lịch. Số lượng và chất lượng của tài nguyên du lịch là yếu tố cơ bản tạo nên chất lượng của sản phẩm du lịch, quy mô và hiệu quả của hoạt động du lịch.

Tài nguyên du lịch là cơ sở quan trọng để phát triển các loại hình du lịch.

Các loại hình du lịch phần lớn dựa trên cơ sở của các loại tài nguyên du lịch. Ví dụ, loại hình du lịch nghỉ núi ở Lào Cai dựa trên tài nguyên du lịch núi của tỉnh, hay loại hình du lịch sinh thái chủ yếu dựa vào tài nguyên du lịch tự nhiên, nhất là các vườn quốc gia.... Việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, tổ chức các dịch vụ du lịch của hệ thống lãnh thổ du lịch phải dựa trên cơ sở của tài nguyên du lịch.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Tài nguyên du lịch là bộ phận cấu thành quan trọng của tổ chức lãnh thổ du lịch.

Hệ thống lãnh thổ du lịch thể hiện mối quan hệ về mặt không gian của các yếu tố, có quan hệ mật thiết với nhau cấu tạo nên nó bao gồm: khách du lịch, tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, đội ngũ nhân viên và tổ chức điều hành quản lý du lịch.

Tài nguyên du lịch luôn đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức lãnh thổ du lịch và là yếu tố cơ bản hình thành các điểm du lịch, trung tâm du lịch, tuyến du lịch, khu du lịch và tạo sự hấp dẫn du khách. Tổ chức lãnh thổ du lịch hợp lý sẽ góp phần tạo nên hiệu quả cao trong việc khai thác các tài nguyên du lịch nói riêng cũng nh- trong mọi hoạt động du lịch nói chung.

1.1.3.2. Ý nghĩa nhân văn

Tài nguyên du lịch bao gồm cả tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn đều là những yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội. Tài nguyên du lịch tự nhiên tạo nên môi trường cảnh quan phong phú góp phần làm đẹp môi trường. Tài nguyên du lịch nhân văn là sự phản ánh phong phú lịch sử, văn hoá vật chất và tinh thần của con người trong mỗi giai đoạn, thời kỳ nhất định.

1.1.4. Các loại tài nguyên du lịch.

1.1.4.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên.

Tài nguyên du lịch tự nhiên là các thành phần và các thể tổng hợp tự nhiên trực tiếp hoặc gián tiếp đ- ợc khai thác sử dụng để tạo ra các sản phẩm du lịch phục vụ cho mục đích phát triển du lịch.

Các tài nguyên du lịch tự nhiên luôn luôn gắn liền với các điều kiện tự nhiên cũng nh- các điều kiện lịch sử, kinh tế – xã hội và chúng th- ờng đ- ợc khai thác đồng thời với các tài nguyên du lịch nhân văn.

Các loại tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm: địa hình, địa chất, khí hậu, n- ớc, sinh vật...

1.1.4.2. Tài nguyên du lịch nhân văn.

Khác với khái niệm tài nguyên du lịch tự nhiên, tài nguyên du lịch nhân văn là nhóm tài nguyên du lịch có nguồn gốc nhân tạo nghĩa là do con ng- ời sáng

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

tạo ra. Tài nguyên du lịch nhân văn cũng đ- ợc hiểu là tài nguyên du lịch văn hoá, chỉ những sản phẩm văn hoá có giá trị phục vụ du lịch mới đ- ợc coi là tài nguyên du lịch nhân văn.

Tài nguyên du lịch nhân văn mang tính phổ biến, có tính truyền đạt, nhận thức nhiều hơn th- ờng thức, giải trí, nó mang tính tập trung dễ tiếp cận, và phần lớn không chịu tác động do mùa vụ.

Các loại hình du lịch nhân văn gồm: tài nguyên nhân văn hữu thể(các di tích lịch sử, văn hoá, các di sản thế giới, các di tích lịch sử cấp quốc gia, địa ph- ơng....) và tài nguyên nhân văn vô thể (các lễ hội, làng nghề, các đối t- ợng văn hoá, văn hoá nghệ thuật ẩm thực...).

Trong thực tế các dạng tài nguyên không tồn tại độc lập mà luôn gắn bó chặt chẽ, bổ sung cho nhau cùng đ- ợc khai thác để tạo nên sản phẩm du lịch có tính tổng hợp cao. Vì vậy các nguồn tài nguyên cần đ- ợc nghiên cứu, có các biện pháp bảo vệ khai thác toàn diện trong mối quan hệ biện chứng , d- ối góc độ tổng hợp các dạng tài nguyên với nhau trong một đơn vị lãnh thổ có không gian và thời gian đ- ợc xác định.

Để phát triển du lịch bền vững việc bảo vệ tôn tạo các tài nguyên du lịch phải luôn đ- ợc quan tâm đúng mức, việc khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn phải luôn luôn đi cùng với việc bảo vệ , tôn tạo, đồng thời phải thực hiện các quan điểm, nguyên tắc phát triển du lịch bền vững.

1.2 Vấn đề bảo vệ tài nguyên du lịch.

1.2.1 Khái niệm

Bảo tồn thiên nhiên là hoạt động nhằm bảo vệ, duy trì môi trường sống một cách nguyên vẹn của các loài động thực vật hoang dã tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên. Sử dụng các tài nguyên một cách tích cực cùng với việc kết hợp các hoạt động kinh tế xã hội ở các khu vực xung quanh nhằm vừa bảo vệ môi trường vừa đem lại lợi ích kinh tế xã hội vừa giữ gìn tài nguyên thiên nhiên cho thế hệ mai sau.

Bảo tồn có ý nghĩa quan trọng đối với các hoạt động kinh tế xã hội nói chung cũng như ngành du lịch nói riêng, nó chính là điều kiện để ngành du lịch phát triển theo hướng bền vững. Nó tạo ra sức hút đối với du khách tham quan và tạo ra nhiều sản phẩm du lịch độc đáo, đồng thời nó đem lại lợi ích kinh tế cho đất nước, khu vực, cộng đồng địa phương và đem lại nguồn tài chính phục vụ bảo tồn. Nó sẽ giữ lại những giá trị của tài nguyên du lịch để ngành du lịch được khai thác lâu dài, vì thế có thể khẳng định rằng bảo vệ cũng như bảo tồn các nguồn tài nguyên du lịch có ý nghĩa sống còn để hoạt động du lịch phát triển không ngừng và luôn bền vững. Bảo tồn mang tính hai mặt nó vừa tạo điều kiện để ngành du lịch phát triển xong ngược lại chính sự phát triển đó cũng góp phần bảo tồn các nguồn tài nguyên du lịch.

1.2.2 Khái niệm về du lịch bền vững.

Theo luật du lịch năm 2005 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua: Du lịch bền vững là “ sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại tới các khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của tương lai”.

Du lịch bền vững đòi hỏi bằng cách nào đó cần quản lý tốt tài nguyên để có thể đáp ứng tốt các nhu cầu kinh tế, xã hội, trong khi vẫn duy trì bản sắc văn hoá, đa dạng sinh học, các hệ sinh thái....

Vì vậy trong quá trình phát triển du lịch phải đảm bảo được sự phát triển bền vững về kinh tế, tài nguyên môi trường du lịch và văn hoá xã hội.

Bền vững về kinh tế đó là sự phát triển ổn định và lâu dài của du lịch tạo nguồn thu đáng kể góp phần vào sự phát triển kinh tế của xã hội, đem lại lợi ích cộng đồng và của người dân địa phương. Có như vậy, họ mới cải thiện được mức sống và sẽ tìm cách để bảo vệ nguồn tài nguyên và môi trường du lịch, các giá trị văn hoá để thu hút khách du lịch.

Bền vững về tài nguyên môi trường là việc sử dụng các tài nguyên không vượt quá khả năng tự phục hồi của nó. Sao cho đáp ứng việc phát triển du lịch hiện tại nhưng vẫn đảm bảo cho sự phát triển của thế hệ tương lai. Nếu vượt quá

ng- ỡng chịu đựng của tài nguyên thì chúng sẽ còn khả năng phục hồi nhất là các tài nguyên tự nhiên, còn các giá trị văn hoá sẽ bị huỷ hoại, môi tr- ờng bị suy thoái thì chắc chắn hoạt động du lịch không thể phát triển đ- ợc.

Ví dụ Hải Phòng từ lâu nổi tiếng với bãi tắm biển Đồ Sơn, những năm tr- ớc phần lớn khách du lịch ở Bắc Bộ th- ờng đi tắm và nghỉ d- ỡng tại Đồ Sơn, nh- ng hiện nay do môi tr- ờng bị ô nhiễm nên l- ợng khách du lịch đến đây suy giảm.

1.2.3 các nguyên tắc cơ bản của phát triển du lịch bền vững.

Là ngành kinh tế tổng hợp và có sự định hướng tài nguyên rõ rệt, một trong những đặc thù cơ bản của du lịch là sự phát triển của nó phụ thuộc vào chất lượng môi trường và tài nguyên du lịch tự nhiên cũng như nhân văn. Nó đòi hỏi sự nỗ lực chung của toàn xã hội phải có trách nhiệm với tài nguyên và môi trường. Để thực hiện đúng mục tiêu đó hoạt động phát triển du lịch phải đặt trong mối quan hệ với tài nguyên môi trường.

1.2.3.1 Khai thác sử dụng các nguồn tài nguyên một cách hợp lý.

Các hoạt động du lịch đều liên quan đến việc sử dụng nguồn tài nguyên cả tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên du lịch tự nhiên. Trong đó có những nguồn tài nguyên không thể tái tạo hay thay thế được và nếu muốn cũng phải trải qua thời gian lâu dài. ví dụ các hang động ở vịnh Hạ Long với kiến tạo địa chất hàng triệu năm thì việc bề nhũ đá đã đang phá hoại nghiêm trọng tại các hang động ở đây.

Đây là nguyên tắc quan trọng hàng đầu. Nếu các tài nguyên du lịch được khai thác một cách hợp lý, được bảo tồn và sử dụng bền vững đảm bảo cho quá trình tự duy trì hoặc tự bổ sung diễn ra theo những quy luật tự nhiên hoặc thuận lợi hơn bỏ sự tác động của con người thông qua việc đầu tư tôn tạo thì sự tồn tại của các tài nguyên đó sẽ lâu dài, đáp ứng được nhu cầu phát triển của du lịch qua nhiều thế hệ.

Nghĩa là việc khai thác sử dụng các nguồn tài nguyên du lịch của thế hệ hiện tại vẫn đảm bảo việc lưu lại cho thế hệ tương lai, sao cho số lượng, chất lượng các nguồn tài nguyên không bị suy giảm quá mức. Điều đó đòi hỏi trong

quá trình khai thác sử dụng cần đề ra các giải pháp nhằm ngăn chặn sự mất đi của các tài nguyên. Ví dụ ở Hải Phòng tại Đảo Cát Bà có loài Voọc Đầu Trắng đây là loài linh trưởng quý hiếm trên thế giới hiện nay chỉ có ở Cát Bà, chúng ăn lá cây và sống trên các vách đá treo leo. Vì thế chúng ta cần có biện pháp bảo vệ tránh nguy cơ tuyệt chủng của loài Voọc này.

Tài nguyên du lịch không phải là “hàng hoá cho không” phải được tính vào chi phí đầu vào của sản phẩm du lịch. Do đó cần có nguồn đầu tư cần thiết cho việc bảo tồn và tái tạo tài nguyên, kiểm soát và ngăn chặn sự xuống cấp của môi trường.

Việc khai thác sử dụng tài nguyên không vượt quá “sức chứa” hay ngưỡng chịu đựng của tài nguyên. Ví dụ hiện nay ở vườn quốc gia Cát Bà số lượng du khách đến đây tham quan đã vượt quá ngưỡng cho phép làm cho vườn quốc gia này có nguy cơ bị suy giảm nghiêm trọng.

1.2.3.2 Hạn chế việc sử dụng quá mức tài nguyên và giảm thiểu chất thải.

Việc khai thác sử dụng quá mức tài nguyên và không kiểm soát được lượng chất thải từ hoạt động du lịch sẽ góp phần vào sự suy thoái môi trường mà hậu quả của nó là sự phát triển không bền vững của du lịch nói riêng và kinh tế xã hội nói chung.

Ví dụ việc thải nước thải sinh hoạt của người dân và du khách đã khiến cho nước và bãi biển Đồ Sơn bị ô nhiễm nặng nề. Vì vậy cần quan tâm tới việc sử dụng công nghệ sạch, xử lý chất thải rác thải trước khi đưa ra ngoài môi trường.

1.2.3.3 Phát triển gắn với việc bảo tồn tính đa dạng

Tính đa dạng về thiên nhiên, văn hoá xã hội là nhân tố đặc biệt quan trọng tạo nên sự hấp dẫn của du lịch, làm thoả mãn nhu cầu của du khách, tăng cường sự phong phú về sản phẩm du lịch.

Tài nguyên du lịch là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các sản phẩm du lịch tạo nên sự hấp dẫn du khách, số lượng, chất lượng, mức độ kết hợp các loại tài nguyên trên lãnh thổ có ý nghĩa đặc biệt trong việc hình thành và phát triển của một điểm, một khu, một

vùng, hay một quốc gia. Thực tế cho thấy ở đâu có tài nguyên du lịch phong phú được khai thác đầu tư xây dựng hợp lý đồng thời có các biện pháp bảo vệ giữ gìn, tôn tạo thì sẽ duy trì được tính đa dạng. Đó là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững của du lịch và là chỗ dựa sinh tồn cho ngành du lịch.

Bên cạnh đó sự phát triển du lịch cũng là cơ sở để duy trì sự đa dạng của thiên nhiên, ví dụ tại các vườn quốc gia, các khu bảo tồn tự nhiên...đều có sự đầu tư đóng góp từ các hoạt động du lịch cho việc bảo tồn đa dạng sinh học của các khu vực này, đồng thời nó cũng góp phần duy trì và khôi phục các di tích lịch sử các giá trị văn hoá, lễ hội, các làng nghề... Tuy nhiên ngành du lịch cũng phải thấy rằng trong sự phát triển của mình thì việc duy trì tính đa dạng sinh học của tài nguyên chính là điều kiện để ngành du lịch phát triển lâu dài, bền vững đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai. Muốn vậy thì các hoạt động du lịch cần tôn tạo tính đa dạng của thiên nhiên, văn hoá xã hội , lựa chọn loại hình du lịch hợp lý đảm bảo không phá hoại đa dạng sinh học, chia sẻ lợi ích cho cộng đồng địa phương...

1.2.3.4 Phát triển phải phù hợp với qui hoạch tổng thể kinh tế-xã hội.

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có tính liên ngành liên vùng cao vì vậy mọi phương án khai thác tài nguyên để phát triển du lịch phải phù hợp với quy hoạch ngành nói riêng và quy hoạch tổng thể kinh tế-xã hội nói chung ở phạm vi quốc gia, vùng và địa phương. Điều này sẽ góp phần đảm bảo cho sự phát triển bền vững của du lịch trong mối quan hệ với các ngành kinh tế khác cũng như với việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên, giữ gìn môi trường.

Điều đó có nghĩa là cần xác định đúng vai trò, vị trí của ngành du lịch trong quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, nếu không đánh giá hết vị trí của ngành du lịch, không hợp nhất và cân đối với các ngành khác sẽ làm tổn hại tới tài nguyên và môi trường du lịch. Ngược lại nếu phát triển du lịch “ quá nóng ” dẫn tới việc phát triển quá mức kiểm soát thì cũng gây ra những tác động tiêu cực tới tài nguyên và môi trường. Ví dụ suy thoái tài nguyên rừng, cảnh quan sinh thái và môi trường biển ở Cát Bà cũng là một minh hoạ.

Các tác động của hoạt động du lịch tới tài nguyên và môi trường nếu được đánh giá đúng thì sẽ có các biện pháp điều hoà, tránh những ảnh hưởng tiêu cực đảm bảo sự phát triển bền vững của ngành du lịch.

1.2.3.5 Chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương

Để phát triển kinh tế xã hội nói chung và kinh tế du lịch nói riêng thì việc khai thác các tiềm năng là điều tất yếu. Tuy nhiên thực tế cho thấy trên một địa bàn lãnh thổ, nếu mỗi ngành chỉ biết đến lợi ích của riêng mình không có sự hỗ trợ của địa phương và chia sẻ quyền lợi với cộng đồng địa phương thì sẽ làm cho kinh tế và đời sống của cộng đồng địa phương gặp nhiều khó khăn, kém phát triển. Có nghĩa là hoạt động của ngành du lịch phải chia sẻ lợi nhuận với cộng đồng địa phương, có như vậy cuộc sống của họ mới được cải thiện và nâng cao. Từ đó họ có ý thức hơn trong việc giữ gìn và bảo vệ tài nguyên du lịch vì đó chính là nguồn cung cấp lợi ích của họ. Ngược lại ngành du lịch chỉ phát triển nhằm thu lợi nhuận không quan tâm chia sẻ cho cộng đồng địa phương thì họ sẽ khai thác các yếu tố của tài nguyên để phục vụ cho nhu cầu của mình dẫn tới việc cạn kiệt tài nguyên và tổn hại môi trường sinh thái. Nó sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới các hoạt động kinh tế xã hội nói chung và ngành du lịch nói riêng. Muốn vậy, ngành du lịch cần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, nâng cao mức sống của họ ...Điều này có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo tồn duy trì nguồn tài nguyên, môi trường sinh thái và góp phần vào quá trình phát triển bền vững của ngành du lịch.

1.2.3.6 Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương.

Việc tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch không chỉ giúp họ tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống mà còn làm cho họ có trách nhiệm hơn với tài nguyên môi trường du lịch góp phần quan trọng đối với sự phát triển bền vững của du lịch. Nền văn hoá lối sống truyền thống của người dân địa phương là những yếu tố thu hút khách du lịch, sự tham gia của cộng đồng địa phương không chỉ đem lại lợi ích cho họ mà còn làm phong phú sản phẩm du

lịch chất lượng phục vụ, như việc cung ứng các dịch vụ về ăn, ngủ, vận chuyển, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, làm đồ lưu niệm, các hoạt động trong khách sạn, hướng dẫn khách du lịch... Vì vậy ngành du lịch cần có các biện pháp và phương hướng để thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương bằng việc tôn trọng nhu cầu và nguyện vọng của họ, khuyến khích họ tham gia tích cực vào các hoạt động du lịch để huy động mọi nguồn lực của họ phục vụ cho sự phát triển của ngành.

1.2.3.7 Thường xuyên trao đổi tham khảo ý kiến với cộng đồng địa phương và các đối tượng liên quan.

Sự tham khảo ý kiến của các ngành kinh tế nói chung và ngành du lịch nói riêng đối với cộng đồng địa phương là điều rất cần thiết để có thể đánh giá được khả năng thực hiện của các dự án cũng như giảm thiểu đến mức thấp nhất các ảnh hưởng tiêu cực do các hoạt động du lịch gây ra đồng thời có nhận được những đóng góp tích cực của cộng đồng địa phương.

Bản chất của du lịch bền vững là đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu của thế hệ tương lai. Nếu các dự án, các hoạt động du lịch từ bên ngoài hay từ trên đưa xuống nhưng không tính toán hết được các nhân tố của nguồn tài nguyên du lịch thì làm nảy sinh rất nhiều vấn đề liên quan như mâu thuẫn với cộng đồng địa phương. Cho nên cần có sự tham khảo, trao đổi đóng góp ý kiến của tất cả các thành phần khi tiến hành xây dựng một dự án phát triển du lịch nào, nhằm giải quyết các mâu thuẫn và đảm bảo sự gắn kết giữa người dân địa phương với ngành, đồng thời góp phần bảo vệ các tài nguyên cho ngành du lịch phát triển lâu dài. Muốn vậy ngành phải thường xuyên trao đổi với cộng đồng địa phương, các cấp, các ngành có liên quan, thông báo kịp thời về các dự án những thay đổi trong hoạt động du lịch để cùng đưa ra các phương hướng biện pháp giải quyết kịp thời.

1.2.3.8 Chú trọng việc đào tạo nâng cao nhận thức về tài nguyên môi trường

Việc đào tạo nâng cao nhận thức về tài nguyên môi trường là nguyên tắc quan trọng đảm bảo cho sự phát triển bền vững của ngành du lịch. Một lực lượng lao động được đào tạo có trình độ chuyên môn sẽ giúp ngành du lịch tạo ra các sản phẩm du lịch có chất lượng cao góp phần thu hút khách du lịch. Bên cạnh đó sự phát triển bền vững của ngành du lịch cũng đòi hỏi đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tay nghề, có nhận thức đúng về giá trị các nguồn tài nguyên du lịch và công tác bảo vệ tài nguyên môi trường.

Việc nâng cao nhận thức về tài nguyên môi trường cho đội ngũ lao động và cho các thành phần tham gia vào hoạt động du lịch cũng như toàn xã hội làm cho mọi thành phần trong xã hội có trách nhiệm hơn với nền văn hoá truyền thống, lối sống cũng như với tài nguyên môi trường du lịch. Đó cũng là điều kiện đảm bảo tính cạnh tranh và thu hút khách du lịch của Việt Nam nói chung và Hải Dương nói riêng.

1.2.3.9 Tăng cường tiếp thị một cách có trách nhiệm

Tiếp thị luôn là một hoạt động quan trọng đối với sự phát triển du lịch đảm bảo sự thu hút khách, tăng cường khả năng cạnh tranh của các sản phẩm du lịch. Có nghĩa là công tác quảng cáo tiếp thị cần đầy đủ và chính xác, điều đó sẽ nâng cao sự tôn trọng của khách du lịch với môi trường tự nhiên, văn hoá xã hội và các giá trị của nguồn tài nguyên nơi đến tham quan. Vì thế ngành du lịch nói chung và du lịch Hải Dương nói riêng cần đưa ra các thông tin chính xác đầy đủ cho du khách những điều cần làm và không nên làm đối với môi trường ở nơi đến du lịch. Để họ thấy được trách nhiệm của mình đối với nơi đến du lịch.

1.2.3.10 Thường xuyên tiến hành các công tác nghiên cứu

Ngành du lịch cần có những căn cứ khoa học vững chắc dựa trên việc nghiên cứu các vấn đề của tài nguyên du lịch. Trong quá trình phát triển ngành du lịch cần nghiên cứu xem xét đánh giá những vấn đề nảy sinh để đưa ra những giải pháp điều chỉnh khắc phục những tiêu cực

Những nguyên tắc cơ bản trên đây nếu được thực hiện đầy đủ sẽ đảm bảo chắc chắn cho sự phát triển của hoạt động du lịch đặc biệt trong mối quan hệ với tài nguyên du lịch. Phát triển bền vững chính là chìa khoá cho sự thành công lâu dài của ngành du lịch.

1.2.4 Mối quan hệ giữa khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch

Theo Piojnik, du lịch là một ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Điều này có ý nghĩa là tài nguyên và môi trường là yếu tố cơ bản để tạo ra sản phẩm du lịch.

Việc tiếp xúc và đắm mình trong thiên nhiên, được cảm nhận một cách trực giác sự hùng vĩ trong lành tươi mát và nên thơ của các cảnh quan tự nhiên có ý nghĩa to lớn với du khách. Nó tạo cho họ sự hiểu biết thêm sâu sắc về tự nhiên, thấy được giá trị của thiên nhiên với cuộc sống con người. Nó sẽ góp phần to lớn vào công tác bảo vệ môi trường và giáo dục môi trường nâng cao nhận thức của con người về giá trị của tài nguyên du lịch từ đó sẽ có ý thức hơn trong việc khai thác các tài nguyên nói chung và tài nguyên du lịch nói riêng trong hoạt động du lịch, nó kích thích những hành vi tôn tạo bảo vệ môi trường, và thu nhập từ phát triển du lịch sẽ trích một phần kinh phí cho việc bảo tồn và bảo vệ các loại tài nguyên du lịch. Trong chừng mực này thì việc khai thác tài nguyên du lịch đã góp phần bảo vệ và giữ gìn tài nguyên du lịch để phát triển du lịch một cách bền vững.

Chính việc khai thác có ý thức cũng như quay trở lại tôn tạo bảo vệ tài nguyên là điều kiện tất yếu để du lịch phát triển bền vững và ổn định.

Còn ngược lại nếu vì lợi ích trước mắt mà không quan tâm tới vấn đề bảo vệ môi trường thì điều tất yếu sẽ dẫn tới đó là sự suy thoái của tài nguyên môi trường du lịch tự nhiên cũng như nhân văn. Điều này vô cùng nguy hiểm bởi vì du lịch là ngành có định hướng tài nguyên vậy khi tài nguyên bị suy thoái biến mất thì tất yếu du lịch không phát triển được và lâu dài nó sẽ khiến ngành du lịch thụt lùi. Vì thế trong ngành du lịch cần quan tâm tới hai mặt của vấn đề đó là khai thác đi đôi với bảo vệ, giữ gìn tôn tạo vì sự phát triển bền vững.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở HẢI DƯƠNG

2.1 Hải Dương địa văn hoá và tài nguyên phát triển du lịch.

2.1.1 Vài nét khái quát về tỉnh Hải Dương

Vị trí địa lý

Hải Dương là tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng với diện tích tự nhiên là $\approx 1.647.52\text{km}^2$, dân số năm 2008 là 1.723.319 người, mật độ dân số 1.044.26 người/ km^2 . Tỉnh gồm có 11 huyện và 1 thành phố là thành phố Hải Dương.

Tỉnh nằm trong toạ độ địa lý từ $20^{\circ}36'$ Bắc $\rightarrow 21^{\circ}33'$ Bắc, $106^{\circ}3'$ Đông $\rightarrow 106^{\circ}36'$ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh

Phía đông giáp thành phố Hải Phòng

Phía Nam giáp tỉnh Thái BìnhPhía Tây Nam giáp tỉnh Hưng Yên

Hải Dương nằm ở trung tâm vùng du lịch Bắc Bộ, trong tam giác động lực tăng trưởng du lịch Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tuyến du lịch này dù đi qua đường sắt, đường sông, đường ô tô đều đi qua địa phận của tỉnh Hải Dương. Từ đó thấy được vị trí trung chuyển của Hải Dương đối với trung tâm du lịch Hà Nội - Hải Phòng – Quảng Ninh.

Đường quốc lộ số 5 và tuyến đường xe lửa nối Hà Nội với cảng Hải Phòng chạy suốt tỉnh. Trong đó thành phố Hải Dương – trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học – kĩ thuật của tỉnh nằm trên trục đường quốc lộ 5 cách Hải Phòng 45 km về phía đông, cách Hà Nội 57km về phía tây, cách thành phố Hạ Long 80km. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá cũng như du khách.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Đường quốc lộ 18 nối Hà Nội - Bắc Ninh - Hạ Long cũng đi qua địa phận Hải Dương với chiều dài 20km đặc biệt là đi qua các khu di tích danh thắng của tỉnh Bắc Ninh và Côn Sơn - Kiếp Bạc. Thuận lợi cho việc xây dựng tuyến điểm du lịch giữa hai tỉnh.

Hải Dương cũng nằm trong hệ thống giao thông đường thủy chính của vùng châu thổ đặc biệt là hệ thống sông Thái Bình có điểm gặp sông Đuống ở sông Phả Lại, tạo điều kiện thuận lợi cho du khách muốn tham quan bằng đường sông. Du khách có thể từ Hà Nội đi ca nô theo sông Đuống đến Phả Lại ghé thăm Côn Sơn – Kiếp Bạc, rồi theo sông Thái Bình, sông Kinh Môn đến với Kinh Chủ - Đền Cao hay xuôi theo dòng Kinh Thầy tới khu Nhị Chiểu thăm hệ thống hang động, chùa chiền. Từ Nhị Chiểu bằng đường thủy du khách có thể tiếp tục đến với Vịnh Hạ Long – di sản thiên nhiên thế giới.

Như vậy Hải Dương có vị trí thuận lợi cho hoạt động du lịch.

Lịch sử hình thành

Hải Dương là một vùng đất có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Theo kết quả nghiên cứu những di chỉ khảo cổ khai quật được trên đất Hải Dương từ thời kỳ đồ đá, trên vùng đất Hải Dương đã có con người sinh sống. Qua các cuộc khai quật ở sông Kinh Thầy (Kim Môn) người ta đã tìm thấy những di vật cách đây 3000-4000 năm, ở Tứ Thông, Ngọc Uyển, Đồng Niên (thành phố Hải Dương) cũng tìm thấy mộ táng trong đó cũng có những di vật tùy táng bằng gốm từ thời Hùng Vương.

Năm 1965 tìm thấy được trống đồng ở làng Hữu Chung(Tứ Kỳ) có niên đại cách ngày nay khoảng 2.500 năm.

Những kết quả khai quật trên đã phần nào phản ánh đời sống vật chất, tinh thần phong phú đa dạng của cư dân Việt cổ sống trên vùng đất Hải Dương xưa.

Hải Dương là vùng đất tiếp giáp kinh đô Thăng Long (xưa) kéo dài tự bờ biển Đông (xưa kia vừa có biển, núi, sông...). Trong suốt chiều dài lịch sử từ khi dựng nước tới nay, Hải Dương đã có những tên gọi khác nhau:

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Thời Hùng Vương thuộc bộ Dương Tuyền,

Thời kỳ chống phương Bắc lần 1 là huyện An Định,

Thời Khúc Thừa Dụ (906) là Hồng Châu

Thời Lý - Trần có tên là Nam Sách lộ, Hồng lộ

Thời Lê có tên là Thừa Tuyên Nam Sách, năm Quang Thuận thứ 10 (1469) thời vua Lê Thánh Tông đổi thành Thừa Tuyên Hải Dương. Cuối thời Lê lại đổi thành sứ Hải Dương.

Thời Nguyễn đời vua Minh Mạng , năm 1831 tỉnh Hải Dương được thành lập (gọi là tỉnh Đông) gồm 3 phủ với 17 huyện

Lúc mới thành lập Hải Dương là một tỉnh rộng lớn bao gồm từ Bình Giang đến Thủy Nguyên. Đến đời vua Đồng Khánh (1888) thì tách dần một số xã của huyện Thủy Nguyên, Tiên Lãng ... khỏi tỉnh Hải Dương để thành lập tỉnh Hải Phòng.

Thời Việt Nam dân chủ cộng hoà (nay là cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), năm 1952 huyện Vĩnh Bảo nhập về Kiến An, 1960 huyện Đông Triều nhập về Hồng Quảng. Do đó từ năm 1960 trở đi Hải Dương chỉ có 11 huyện và 1 thị xã.

Tháng 3/1968 tỉnh Hải Dương hợp nhất với tỉnh Hưng Yên thành tỉnh Hải Hưng gồm 20 huyện và 2 thị xã, thủ phủ đóng tại thị xã Hải Dương.

Năm 1997 Hải Hưng lại chia thành 2 tỉnh Hải Dương và Hưng Yên . Tỉnh Hải Dương hiện nay có 1 thành phố (thành phố Hải Dương)và 11 huyện : Chí Linh, Nam Sách, Thanh Hà, Kim Môn, Kim Thành, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Cẩm Giàng, Bình Giang, Thanh Miện, Ninh Giang.

2.1.2 Tiềm năng tài nguyên du lịch Hải Dương.

2.1.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên

a. Địa hình

Địa hình của Hải Dương được chia làm 2 phần rõ rệt:

Vùng đồng bằng có diện tích là 1.466.3 km² chiếm 89% diện tích đất tự nhiên của tỉnh do phù sa sông Thái Bình bồi đắp, gồm các huyện: Cẩm Giàng,

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Nam Sách, Thanh Hà, Kim Thành, thành phố Hải Dương, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Ninh Giang, Thanh Miện và một phần diện tích của hai tỉnh Kim Môn, Chí Linh.

Nhìn chung địa hình đồng bằng tương đối bằng phẳng, đơn điệu, đất đai khá màu mỡ, tuy không có giá trị cho phát triển du lịch, nhưng cũng tạo nên bức tranh thủy mặc trữ tình. Đây lại là nơi định cư rất sớm nên đã tạo ra nhiều công trình kiến trúc : đình, đền, chùa, miếu và cũng là nơi cung cấp lương thực, thực phẩm, những món ăn đặc sản phục vụ cho nhu cầu ăn uống của du khách.

Vùng đồi núi thấp: có diện tích là 181,22km² chiếm 11% diện tích tự nhiên của tỉnh thuộc hai huyện Chí Linh và Kim Môn. Đây là khu vực được hình thành trên miền núi tái sinh có nền địa chất trầm tích Trung Sinh. Trong vận động tân kiến tạo được nâng lên với cường độ trung bình đến yếu. Hướng núi chính chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Địa hình bị chia cắt khá mạnh, những đỉnh núi cao trên 500m có phủ đầy rừng.

Các dạng địa hình có phong cảnh đẹp, có giá trị đối với hoạt động du lịch của Hải Dương.

• Dạng địa hình đồi núi:

Vùng núi Chí Linh cao ở phía Bắc, thấp dần xuống phía Nam. Phía Bắc của huyện là dãy núi Huyện Đình chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, có độ cao trung bình là 300 m, có một số đỉnh cao trên 500m, cao nhất là đỉnh Dây Điều 618m, Đèo Chê 533m, Núi Đai 508m,. Địa hình phân cắt phức tạp, có nhiều dòng suối chảy xuống Lục Đầu và hồ Bến Tắm. Dãy núi này còn nhiều rừng bao phủ với nhiều loài sinh vật quý.

Vùng đồi núi Côn Sơn - Kiếp Bạc: Tuy địa hình không cao nhưng có nhiều đỉnh núi có thể nhìn toàn cảnh như đỉnh Côn Sơn cao gần 200m(tục gọi là Bàn Cờ Tiên), từ đây có thể nhìn được toàn cảnh Côn Sơn và vùng núi kế cận. Các núi Ngũ Nhạc (238m), ngọn Nam Tào, Bắc Đẩu đều là những địa danh có giá trị đối với hoạt động du lịch.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Dãy núi Yên Phụ (Kim Môn) có hướng Tây Bắc – Đông Nam với chiều dài 14km, chạy gần song song với quốc lộ 5. dãy núi có nhiều đỉnh nhỏ với các khe đào có tên tuổi: Đèo Mông, Khe Gạo, Khe Tài, Khe Đá, đỉnh cao nhất là Yên Phụ 246m. dãy núi Yên Phụ tuy không cao nhưng vì nằm sát đồng bằng thấp và bằng phẳng nên nó vẫn mang dáng vẻ uy nghi.

• Dạng địa hình Karst:

Dạng địa hình Karst của Hải Dương nằm trong địa phận 5 xã Hoàn Sơn, Tân Dân, Duy Tân, Phú Thứ, Minh Tân thuộc khu Nhị Chiểu (32 hang động) và ở dãy núi Dương Nham thuộc xã Phạm Mệnh huyện Kim Môn. Vùng này không có những mạch, những dải núi đá vôi chạy dài thường là các đồi núi rải rác dạng núi sót, phần lớn là đá vôi tinh thể cẩm thạch, có vách dựng đứng. Quá trình Karst diễn ra mãnh liệt đã tạo nên những dạng địa hình Karst độc đáo: những khối sót lởm chởm đá tai mèo và hệ thống hang động. Có những hang động đẹp là thắng cảnh của đất nước: Động Kính Chủ (Nam thiên đệ lục động), hang chùa Hàm Long, hang Tâm Long...

Hệ thống hang động Karst ở Kim Môn còn gắn liền với những dấu tích lịch sử hào hùng của đội quân Trần Hưng Đạo ba lần chiến thắng quân Nguyên – Mông. Có những hang động còn lưu trữ nhiều văn bia của nhiều thế kỉ như động Kính Chủ (40 văn bia), hang chùa Hàm Long (còn 7 văn bia).

Thắng cảnh thiên nhiên kết hợp với cảnh quan văn hoá trong các hang động Karst ở Kim Môn càng làm tăng sức hấp dẫn cho loại địa hình này và nó đã trở thành điểm du lịch hấp dẫn của Hải Dương.

Địa hình đồi núi, hang động ở Hải Dương thích hợp cho việc tổ chức các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, cắm trại.

b. Khí hậu

Khí hậu của Hải Dương mang đặc điểm chung của khí hậu miền Bắc Việt Nam đó là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa đông lạnh rất điển hình.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Khí hậu Hải Dương có tiềm năng nhiệt ẩm lớn. Hàng năm lãnh thổ Hải Dương nhận được một lượng nhiệt lớn từ mặt trời, năng lượng bức xạ tổng cộng vượt quá 100Kcal/cm²/năm, cân cân bức xạ vượt 70Kcal/cm²/năm. Số giờ nắng đạt từ 1600 – 1800h/ năm, nhiệt độ trung bình là 23,3°C, có 8 tháng nhiệt độ trung bình trên 20°C, tổng nhiệt độ hoạt động cả năm là 8500°C.

Khí hậu Hải Dương khá ẩm ướt: độ ẩm tương đối trung bình dao động từ 80-90%, lượng mưa trung bình năm từ 1400-1700mm, có 6 tháng lượng mưa >100mm và chỉ có 2 tháng mưa xấp xỉ 20mm.

Sự phối hợp của địa hình và hoàn lưu gió mùa Đông Bắc – Tây Nam đã phân hoá khí hậu Hải Dương thành 2 vùng khí hậu: vùng bán sơn địa và vùng đồng bằng. Tuy nhiên sự khác biệt giữa hai vùng khí hậu này không thật rõ rệt. Điều này được thể hiện qua chế độ mưa và chế độ nhiệt.

Trên hai vùng lãnh thổ chế độ nhiệt được thể hiện như sau:

Bảng 1: Phân bố nhiệt theo vùng của Hải Dương

Vùng khí hậu	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng1 (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)
Bán sơn địa	23.3	15-16	28-29
Đồng bằng	23.3	16-17	28-29

Chế độ nhiệt ở 2 vùng khí hậu của Hải Dương có sự phân hoá theo 2 mùa rõ rệt là mùa đông và mùa hè. Mùa đông nhiệt độ trung bình ở vùng bán sơn địa xuống thấp hơn vùng đồng bằng khoảng 1°C, biên độ năm của vùng đồng bằng là 12°C, vùng bán sơn địa là 13°C.

Lượng mưa trong năm có sự phân hoá thành 2 mùa rõ rệt:

Mùa mưa nhiều bắt đầu từ cuối tháng 4 đến giữa tháng 10, lượng mưa chiếm 80-85% lượng mưa cả năm. Mùa mưa ít bắt đầu từ giữa tháng 10 kết thúc vào cuối tháng 4, lượng mưa chỉ chiếm 15-20% lượng mưa cả năm.

**Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển
du lịch bền vững**

Bảng 2: Lượng mưa trung bình tháng và năm ở một số trạm(mm).T

Tháng Trạm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	năm
Chí Linh	16.6	18.5	28.8	96.9	163.9	244.9	284.7	289.1	235.5	105.5	30.4	14.0	1528.5
Hải Dương	20.1	25.1	37.7	96.9	99.3	228.3	237.8	294.9	225.3	131.7	45.4	19.6	1561.9

Tài nguyên khí hậu Hải Dương được đánh giá theo các học giả Ấn Độ là khá thích nghi đối với hoạt động du lịch.

Nhìn chung khí hậu của Hải Dương thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động du lịch ở hầu hết các tháng trong năm. Tuy nhiên có một số tháng (7, 8, 9) thường hay có bão nên gây cản trở cho du lịch.

c. Nguồn nước

Tài nguyên nước được chia thành 2 loại: nước trên mặt và nước ngầm.

Nước trên mặt bao gồm: sông, suối, ao, hồ.

Mạng lưới sông ngòi Hải Dương khá dày đặc với 700km đường sông và được rải đều trên phạm vi toàn tỉnh. Các dòng chính thuộc hệ thống sông Thái Bình (vùng hạ lưu) chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Dòng chính Thái Bình chảy trong địa phận Hải Dương dài 63km và phân làm 3 nhánh: sông Kinh Thầy, sông Gù, sông Mía. Nhánh chính Kinh Thầy lại được phân thành 3 nhánh khác là Kinh Thầy, Kinh Môn, sông Rạng. Sông Thái Bình thông với sông Hồng qua sông Đuống và sông Luộc.

Các sông này có đặc điểm : lòng rộng, độ dốc long nhỏ có giá trị lớn về giao thông. Đối với hoạt động du lịch thì hệ thống sông Thái Bình kết hợp với sông Hồng có ý nghĩa to lớn bởi đây là hệ thống đường thủy chính của vùng châu thổ Bắc Bộ.

Suối: chủ yếu ở vùng núi Chí Linh với những con suối nhỏ chảy rì rào: suối Đá Bạc, suối Côn Sơn...

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Hải Dương cũng có khá nhiều hồ đẹp và rộng như hồ Bến Tắm 35ha, hồ Tiên Sơn (50ha), hồ Mật Sơn (30ha), hồ Bình Giang (45ha), hồ Bạch Đằng (17ha), hồ An Dương (10ha)...

Nước ngầm: Nguồn nước ngầm của Hải Dương rất phong phú, đủ đáp ứng cho nhu cầu khai thác du lịch tại các điểm : tiêu biểu là nguồn nước khoáng ở Thạch Khôi (Gia Lộc) . Ở vùng bán sơn địa nước ngầm nằm sâu hơn một chút nhưng nước trong sạch và mát rất thích hợp cho nhu cầu của du khách.

d. Sinh vật

Thực vật

Ở Hải Dương nguồn sinh vật quan trọng nhất là rừng Chí Linh với diện tích 1300ha, tập trung chủ yếu ở xã Hoàng Hoa Thám. Hiện nay, qua điều tra đã xác định được 117 họ, 304 chi và 400 loại.

Cây cho gỗ có 103 loại, cây dược liệu 128 loại chiếm 38% tổng số thực vật hiện có.

Thực vật quý hiếm có 9 loại gồm : sung, lim xanh, lát hoa, rau sắng, đẹn 5 lá, chân chim, gụ lau, đại hải, san hô.

Ở Côn Sơn có rừng thông Mã Vĩ, có cây tuổi vài thế kỷ. Ngoài thông có sim, trúc, nứa, mẫu đơn...

Hiện nay Hải Dương đã xây dựng được vườn thực vật Côn Sơn với diện tích là 26ha với 136 loại cây bản địa. Ngoài rừng tự nhiên đang được phục hồi, bảo vệ, phát triển thì rừng trồng mới cũng được quan tâm với dự án 327 đã phủ xanh được nhiều khu đất trống đồi trọc.

Thực vật được trồng của tỉnh phải kể đến vườn vải ở Chí Linh và Thanh Hà, với hàng nghìn cây vải được trồng trong các khu vườn, đồi, dọc 2 bên bờ sông, kênh, mương. Thu hút khách tới thăm quan thưởng thức đặc sản vải thiều.

Động vật

Động vật hoang dã không ít về loài nhưng cũng có những loài quý hiếm.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Về chim: có gà lôi trắng, gà tiền mặt vàng, sáo mỏ ngà, và 2 loại dù di, hà lung lâu được ghi vào sách đỏ Việt Nam.

Có 281 loài côn trùng, trong đó có 32 loài có ích, 36 loài có sức hấp dẫn du lịch: các loài bướm ngày, ve sầu, cào cạc, dế mèn, bọ dừa, cà cuống...

Một số loài thú quý hiếm được ghi vào sách đỏ: cu li lớn, gấu ngựa, beo lửa, sóc bay lớn, tê tê vàng....

Đặc biệt phải kể đến làng cò vạc ở xã Chi Lăng Nam huyện Thanh Miện với hơn 5000 con vạc, 15000 con cò với nhiều chủng loại.

Tài nguyên sinh vật của Hải Dương đặc biệt là rừng có ý nghĩa và giá trị lớn đối với phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. Tuy nhiên việc đưa vào khai thác các tài nguyên này phục vụ cho mục đích du lịch sẽ gây tác động xấu tới môi trường tự nhiên. Do đó cần có những biện pháp để duy trì sự đa dạng sinh học và khai thác một cách hợp lí có hiệu quả kinh tế cao.

e. Cảnh quan và các di tích tự nhiên.

Theo báo cáo kết quả điều tra tài nguyên du lịch ở Hải Dương đến năm 2007 của sở Thương mại và Du lịch Hải Dương , cảnh quan và di tích tự nhiên thường được khai thác phục vụ du lịch gồm 16 điểm(bảng3)

Bảng 3: Cảnh quan và di tích

stt	Huyện, Thành phố	Số lượng	Tên tài nguyên
1	Thành phố Hải Dương	3	Khu sinh thái Hải Hà, Đảo Ngọc, hồ Bạch Đằng
2	Huyện Chí Linh	5	Côn Sơn, Kiếp Bạc, núi Phượng Hoàng, Bến Tắm, rừng Thanh Mai
3	Huyện Kim Môn	6	Động Hàm Long, Tâm Long, hang Đốc Tít, hang Chùa Mộ, khu đa dạng sinh học Áng Bác, núi rừng Am Phụ, động Kính Chủ
4	Huyện Thanh Hà	1	Sinh thái vùng dọc sông Hương
5	Huyện Thanh Miện	1	đảo cò Chi Lăng
Tổng cộng		16	

**Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển
du lịch bền vững**

Ngoài ra, theo đề án khảo sát xây dựng tour du lịch đường sông của sở Thương mại và Du lịch năm 2006, Hải Dương có nguồn tài nguyên nước là 14 tuyến đường sông trong đó có 6 tuyến đường sông đủ điều kiện để khai thác phát triển du lịch (bảng 4)

Bảng 4: Các tuyến sông có thể khai thác phát triển du lịch

STT	Tên sông	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)
1	Sông Kinh Thầy	Ngã 3 Lầu Khê	Ngã 3 Trại Sơn	44.5
2	Sông Kinh Môn	Ngã 3 Kèo	Ngã 3 Nồng	45
3	Sông Lai Vu	Ngã 3 Vũ Xá	Ngã 3 Cửa Dừa	26
4	Sông Gù	Ngã 3 Mũi Gương	Ngã 3 Cửa Dừa	4
5	Sông Thái Bình	Ngã 3 Lầu Khê	Ngã 3 Mía Thái Bình	57
6	Sông Mạo Khê	Ngã 3 bến Triều	Ngã 3 bến Đụn	18
Tổng cộng				194.5

Một số tài nguyên du lịch tự nhiên tiêu biểu:

Khu danh thắng Côn Sơn

Côn Sơn được coi là nơi “tôn quý của đất trời” - được biết đến với quần thể di tích văn hoá lịch sử và phong cảnh thiên nhiên đẹp, với rừng thông Mã vĩ, núi non, hồ nước lượn quanh. Khu danh thắng Côn Sơn thuộc xã Cộng Hoà huyện Chí Linh cách thành phố Hải Dương 35 km.

Du khách đến Côn Sơn để tham quan các di tích văn hoá lịch sử: chùa Côn Sơn, Giếng Ngọc, Thạch Bàn, am Bạch Vân, Bàn Cờ Tiên, đền thờ Nguyễn Trãi, Ngũ Nhạc Linh Từ...và khám phá vẻ đẹp của rừng thông bạt ngàn, suối chảy róc rách, cảnh vật yên bình và êm ả.

Hàng năm, có 2 mùa lễ hội được tổ chức tại Côn Sơn: mùa xuân và mùa thu. Đây chính là thời gian lượng khách du lịch đến Côn Sơn nhiều nhất. Theo thống kê của ban quản lý khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc tăng trưởng khách giai đoạn 2001- 2008 là 20% , năm 2008 đạt trên 1 triệu lượt khách. Mục đích chính là du

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

lịch văn hoá tâm linh, tham dự lễ hội truyền thống, kết hợp tham quan cảnh quan tự nhiên, nghỉ dưỡng. Đối tượng khách rất đa dạng nhưng chủ yếu là khách trong nước.(khách trong tỉnh Hải Dương và các tỉnh phụ cận) chiếm gần 100% chỉ có một lượng nhỏ khách Việt Kiều về thăm kết hợp đi tham quan.

Hệ thống cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ du lịch ở Côn Sơn tương đối thuận lợi và đầy đủ. Hệ thống cơ sở hạ tầng được cải thiện một cách căn bản: đường giao thông vào các khu, các điểm di tích được nâng cấp mở rộng, hệ thống điện nước đầy đủ, công tác kè hồ, xây tường bảo vệ rừng, công tác vệ sinh môi trường , an ninh trật tự được bảo vệ chặt chẽ. Các loại hình dịch vụ: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, vận chuyển, ăn uống, mua sắm... cũng được phát triển và mở rộng.

Tuy nhiên, quy mô của các loại hình dịch vụ còn nhỏ lẻ thiếu sự liên kết, cạnh tranh không lành mạnh... Mặt khác môi trường ở đây đang bị ảnh hưởng nặng bởi sự tham gia của khách du lịch và hoạt động kinh doanh dịch vụ: nhiều nhà hàng khách sạn được xây dựng bên bờ hồ Côn Sơn, nguồn rác thải của các đơn vị kinh doanh này xả trực tiếp ra hồ khiến nguồn nước bị ô nhiễm, môi trường không khí bị tác động. Khu vực trung tâm di tích và dọc đường lên núi, dưới suối rác vớt bừa bãi...

Trong kế hoạch nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, tỉnh Hải Dương dự kiến từ nay đến năm 2025 sẽ đầu tư 1.270 tỷ đồng để tu bổ , tôn tạo và khảo cổ và khôi phục di sản tại Khu di tích danh thắng Côn Sơn - Kiếp Bạc.

Khu sinh thái Bến Tắm – Chí Linh

Khu sinh thái Bến Tắm nằm trên địa phận của 3 xã Bến Tắm, Hoàng Hoa Thám và Bắc An của huyện Chí Linh, bao gồm đồi núi, rừng, hồ tự nhiên. Hồ Bến Tắm rộng, có diện tích mặt nước là 70ha, quanh hồ là đồi núi, có mặt bằng rộng và những cánh rừng dẻ, tạo nên một vùng cảnh quan hấp dẫn, là nguồn tài nguyên quý giá để khai thác, xây dựng loại hình du lịch sinh thái, thể thao, nghỉ dưỡng.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020m, Bến Tắm được định hướng quy hoạch thành khu du lịch sinh thái nhưng do vị trí nằm kề khu vực quốc phòng nên chưa được khai thác. Thời gian tới được sự phê duyệt của các cấp chính quyền, khu Bến Tắm sẽ được quy hoạch theo các tiêu chí của khu du lịch sinh thái hài hoà với thiên nhiên trên cơ sở khai thác mặt nước hồ Bến Tắm, các diện tích cây xanh triền dốc quanh hồ và cảnh quan môi trường tự nhiên, biến khu Bến Tắm trở thành trung tâm du lịch tham quan, sinh thái, vui chơi, nghỉ dưỡng của tỉnh Hải Dương và huyện Chí Linh.

Khu vực sinh thái sông Hương – Thanh Hà

Sông Hương – Thanh Hà là một nhánh của sông Gù, có chiều dài 21 km chảy qua 10 xã, thị trấn của huyện Thanh Hà. Sông Hương có lượng phù sa màu mỡ, là một vùng giàu tiềm năng tài nguyên du lịch tự nhiên sinh thái, với những vườn vải và đủ loại cây ăn trái khác như: nhãn, chuối, đu đủ, na, hồng xiêm, ổi, xoài... Đến đây du khách có thể tham gia các sản phẩm du lịch thể thao sông nước (boi thuyền câu cá...) du lịch sinh thái, du khảo đồng quê, tham quan nghiên cứu khoa học và thưởng thức các loại hoa quả, món ăn ẩm thực dân dã... Đây là đặc thù du lịch sinh thái Thanh Hà với hạt nhân là dòng sông Hương và các vườn cây ăn trái dọc hai bên bờ sông.

Loại hình du lịch miệt vườn bằng thuyền trên sông Hương hay bằng đường bộ phụ thuộc rất lớn vào mùa hoa trái và điều kiện thời tiết trong năm. Mặt khác loại hình du lịch này còn khá mới mẻ, nên khách du lịch đến đây còn rất ít. Vào mùa hè khi các vườn vải thiều chín đỏ, trung bình có 5 – 10 nghìn lượt khách đến tham quan và thưởng thức đặc sản địa phương, chủ yếu là khách đến từ các tỉnh lân cận Hải Dương.

Hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ du lịch ở đây chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch, ngoài hệ thống đường giao thông, điện nước được đầu tư cơ bản, song vẫn còn nhiều hạn chế thiếu quy hoạch, thiếu vốn đầu tư chưa có nhà hàng, khách sạn, nơi tiếp đón, không có bến thuyền, các loại cây ăn trái chưa đượ đa dạng...

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Mặt khác môi trường sinh thái sông Hương đang kêu cứu do ý thức cộng đồng dân cư còn thấp, nhiều hộ dân sống ven sông ngang nhiên san đất lấn sông, xây nhà cửa, thuyền chài thả lưới khắp sông, cùng với bèo, rác và nước thải, kể cả từ khu công nghiệp Nam Sách đổ xuống làm cho sông Hương bị ô nhiễm.

Nằm trong kế hoạch quy hoạch phát triển của tỉnh, hiện nay các cấp chính quyền của tỉnh Hải Dương và huyện Thanh Hà đang ra sức bảo vệ môi trường nguồn nước sông Hương và đã có quy hoạch, khai thác tiềm năng du lịch dọc sông Hương phục vụ du lịch.

Đảo Cò Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện.

Nằm giữa hồ An Dương, đảo Cò nổi lên như một viên ngọc mà thiên nhiên đã ban tặng cho xã Chi Lăng Nam (huyện Thanh Miện). Với diện tích 2.382 m² từ lâu đảo Cò đã trở thành nơi trú ngụ và sinh sống của nhiều loài cò, vạc khác nhau. Đảo Cò được đánh giá là khu đa dạng sinh học của vùng đồng bằng sông Hồng.

Sự đan xen hài hoà giữa cây cối, chim muông, hồ nước cùng cây cối nhiệt đới, nhiều cây cổ thụ và nhiều văn bia cổ, đền, chùa, miếu mạo trong vùng, làng nghề cổ truyền... Đảo Cò Chi Lăng có đầy đủ yếu tố để có thể phát triển thành vùng du lịch môi trường sinh thái. Công tác bảo vệ môi trường ở đây cũng khá tốt, mọi người dân trong vùng đều có ý thức bảo vệ đàn cò. Đảo Cò đã được quy hoạch chi tiết thành khu du lịch sinh thái do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện làm chủ đầu tư.

Núi Phượng Hoàng, huyện Chí Linh

Thuộc xã Văn An, huyện Chí Linh, Phong cảnh nơi đây trữ tình bởi hệ sinh thái của những rừng thông, núi non trùng điệp với 72 ngọn núi và suối nguồn trong mát. Phượng Hoàng là một danh thắng đáng tự hào bởi ngoài cảnh quan tự nhiên còn là nơi an nghỉ của nhà văn Chu Văn An. Trên núi Phượng Hoàng còn có đền thờ Chu Văn An, chùa Huyền Thiên, cung Tử Lạc, điện Lưu Quang...

Khu di tích Phượng Hoàng phù hợp để xây dựng thành nơi tham quan, nghiên cứu và nghỉ dưỡng cuối tuần.

Động Kính Chủ huyện Kinh Môn

Động Kính Chủ nằm trong dãy núi đá vôi Dương Nham, thuộc xã Phạm Mệnh huyện Kim Môn, là một hang động kỳ vĩ mà thiên nhiên đã ban tặng cho vùng đất này.

Động Kính Chủ gồm 3 động: động chính là động Kính Chủ, động Thăng Thiên và động Voi.

Động Kính Chủ nằm ở độ cao 20m so với mặt ruộng chân núi, đỉnh động cao trên 15m. Động được tôn tạo thành chùa Dương Nham từ thời Lý - Trần, và được xếp vào loại “ Nam thiên đệ lục động”. Chùa thờ Phật, vua Lý Thần Tông và Huyền Quang thiền sư. Động Kính Chủ cùng với hệ thống động núi Dương Nham tạo thành thắng cảnh. Trên vách động hiện còn trên 40 văn bia, được khắc từ thế kỷ 14 đến thế kỷ 20, tiêu biểu là bút tích của danh nhân Phạm Sư Mệnh, năm 1369.

Động Thăng Thiên rộng 300m, có cấu tạo hình xoắn tròn ốc. Từ dưới lòng động, nơi có hồ nước nhỏ, du khách có thể nhìn thấy bầu trời qua đỉnh tròn ốc.

Động voi nằm ở phía đông động Thăng Thiên. Trong động voi có khối đá tựa hình chú voi không lồ, phía trước là một hồ nhỏ nước đầy quanh năm.

Di tích được nhà nước xếp hạng năm 1962. Hàng năm vào ngày 12 tháng giêng, nhân dân địa phương tổ chức lễ hội truyền thống thu hút khách thập phương đến thăm quan, ngắm cảnh, nghiên cứu khoa học.

Núi rừng Am Phụ, huyện Kim Môn

Giữa vùng đồng bằng phía bắc Hải Dương, một dãy núi nổi lên như một nón chóp khổng lồ xanh đậm một rừng cây, mờ ảo. Núi Am Phụ có nhiều rừng cây thiên nhiên. Đỉnh núi cao là 246m, từ đỉnh núi nhìn xuống thung lũng sông Kinh Thầy với mênh mông sóng lúa và dòng sông lượn sát chân núi tạo nên cảnh sơn thủy hữu tình, phía xa xa là làng Kính Chủ cổ kính, quê hương của người thợ đá xứ đông và anh em Phạm Tông Mại, Phạm Tông Ngộ - danh nhân thời Trần. Trên đỉnh núi có đền thờ An Sinh Vương Trần Liễu (tục gọi là Đền Cao), phía

dưới là tượng đài Trần Hưng Đạo, một công trình văn hoá lớn của đất nước cuối thế kỷ 20.

Khu đa dạng sinh học Áng Bắc – Minh Tân, huyện Kim Môn

Được bao bọc bởi dãy núi đá vôi Kim Môn tạo thành một thung lũng kéo dài (gọi là các Thung áng) rộng gần 5 ha, khu tự nhiên Áng Bắc vẫn còn nhiều giá trị sinh học với sự đa dạng của một số giống loài động thực vật quý hiếm như: trăn, rắn, khỉ vàng, dê núi, điều hâu.

Khu đa dạng sinh học Áng Bắc là nguồn tài nguyên rất quý giá cho tham quan nghiên cứu, sinh thái, nghỉ dưỡng. Nhưng hiện tại khu vực này đang giao cho công ty xi măng Hoàng Thạch khai thác và quản lý.

2.1.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn

a. Tài nguyên vật thể

- **Các di tích lịch sử văn hoá**

Theo báo cáo kết quả điều tra tài nguyên du lịch của sở Thương mại và Du lịch Hải Dương thực hiện năm 2007, Hải Dương có 176 di tích lịch sử văn hoá có thể khai thác phát triển du lịch.

Trải qua các cuộc chiến tranh và thiên nhiên tàn phá, phần lớn các di tích đều bị xuống cấp, nhiều di tích lịch sử bị xuống cấp nghiêm trọng. Nhận rõ tầm quan trọng của sự nghiệp bảo tồn di tích, ngay từ năm 1957 tổ chuyên trách bảo tồn bảo tàng được thành lập. Từ đó đến nay với sự cố gắng của ngành bảo tồn, bảo tàng, hàng loạt các di tích đã được trùng tu, tôn tạo. Kết quả từ năm 1998 đến nay, chỉ riêng những di tích được cấp bằng xếp hạng cấp quốc gia là 126 di tích thì có 46 di tích được Bộ văn hoá thông tin và 31 di tích được tỉnh cấp vốn tu bổ, phục hồi, chiếm 61,6% số di tích được xếp hạng trên toàn tỉnh. Nhiều di tích xuống cấp nghiêm trọng đã được phục hồi như chùa Thanh Mai, đền Phụng Hoàng (Chí Linh) Văn Miếu Mao Điền (Cẩm Giàng) chùa Hào Xá (Thanh Hà)....

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Có thể nói công tác bảo tồn, tôn tạo di tích ở Hải Dương được làm khá tốt, góp phần vào việc bảo vệ tài nguyên du lịch. Nhiều di tích sau khi được tu bổ, tôn tạo đã bước đầu phát huy tác dụng, mỗi năm đón hàng vạn lượt khách đến tham quan.

Các di tích gắn liền với các danh nhân của đất nước, có giá trị giáo dục truyền thống cao: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, danh y Tuệ Tĩnh,...

Trong hệ thống di tích trên có nhiều di tích tiêu biểu, đặc trưng về văn hoá tâm linh, kiến trúc nghệ thuật, cảnh quan hấp dẫn, du lịch văn hoá, tham quan, nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học, giáo dục truyền thống tiêu biểu là:

Chùa Côn Sơn

Chùa có tên chữ là “Thiên Phúc tự” có từ đời Trần thế kỷ XIII, kiến trúc của chùa theo kiểu chữ “công” quy mô rộng lớn gồm 83 gian với 385 tượng và những mảng kiến trúc theo mô típ thời Trần. Xung quanh chùa có 14 tấm bia dựng thời Hậu Lê ghi lại những sự kiện quan trọng xảy ra trên mảnh đất này. Ngày nay chùa còn lưu giữ tượng của Nguyễn Trãi, tượng Trần Nguyên Đán, và tượng 3 vị tổ thiền phái Trúc Lâm.

Di tích Côn Sơn được xếp hạng quốc gia đợt 1 theo quyết định 313 của chính phủ ngày 28/04/1962 và xếp hạng đặc biệt quan trọng vào năm 1994.

Di tích đền Kiếp Bạc

Đền Kiếp Bạc nằm ở xã Hưng Đạo huyện Chí Linh cách Côn Sơn chừng 5 km. Ngôi đền thờ vị anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo. Hiện nay xung quanh di tích, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được nhiều di tích có liên quan đến Trần Hưng Đạo và tìm ẩn nhiều di vật giá trị sẽ được tiếp tục phát hiện và nghiên cứu. Đền Kiếp Bạc được xếp hạng cùng đợt với Côn Sơn vào năm 1962.

Văn Miếu Mao Điền

Văn Miếu thuộc xã Cẩm Điền huyện Cẩm Giàng cách thành phố Hải Dương 16km về phía tây.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Khuôn viên Văn Miếu hiện còn trên 2 vạn m² và có nhiều cây cổ thụ. Di tích thờ Khổng Tử và các bậc đại nho, Chu Văn An và những vị thầy giáo vĩ đại của dân tộc. Văn Miếu bị xuống cấp nghiêm trọng và được trùng tu, tôn tạo nhiều lần. Đặc biệt vào năm 2003, đã được tu bổ toàn diện để trả lại diện mạo và vẻ đẹp vốn có.

Chùa Giám

Chùa còn có tên là chùa Nghiêm Quang, thuộc xã Cẩm Sơn huyện Cẩm Giàng. Tương truyền chùa có từ thời Lý, cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII được xây dựng lại với quy mô lớn theo kiểu nội công ngoại quốc.

Chùa thờ một vị thiền sư nổi tiếng, một đại danh y của dân tộc, người có công đầu xây dựng chùa và được suy tôn làm thánh sư Nam dược. Đó là thiền sư Tuệ Tĩnh. Hội chùa Giám được tổ chức vào trung tuần tháng 2 hàng năm.

• Các làng nghề truyền thống

Hải Dương từ xa xưa đã nổi tiếng có nhiều làng nghề truyền thống gắn liền với các địa danh như: trạm khắc đá ở Kim Môn, nghề làm bánh gai ở Ninh Giang, chạm khắc gỗ Đông Giao, gốm sứ Chu Đậu, Cây

Theo thống kê của sở Văn hoá Thông tin và Bảo tàng Hải Dương, tỉnh có 35 nghề và làng nghề cổ truyền được phân bố rộng khắp ở các huyện trong tỉnh.

Các làng nghề truyền thống là những tiềm năng to lớn để khai thác phát triển du lịch, là nơi tạo ra nhiều sản phẩm thủ công độc đáo, mang tính nghệ thuật cao có sức thu hút lớn đối với khách du lịch đặc biệt là khách quốc tế.

Tuy nhiên ngày nay do sự thay đổi của cơ chế thị trường, một số nghề thủ công truyền thống đang đứng trước nguy cơ mai một dần. Một số nghề hiện nay vẫn đang duy trì thì hoạt động cầm chừng, không thường xuyên, những người thợ tay nghề giỏi ngày càng ít đi, các thế hệ trẻ kế cận không có hoặc tay nghề không cao. Do đó cần phải có biện pháp giữ gìn, bảo tồn và phục hồi các làng nghề truyền thống để các làng nghề trở thành điểm du lịch hấp dẫn và cung cấp những sản phẩm du lịch độc đáo mang đặc trưng riêng của địa phương.

Một số làng nghề và nghề cổ truyền tiêu biểu:

Nghề chạm khắc gỗ (Đông Giao)

Nghề chạm khắc Đông Giao ở làng Đông Giao thuộc xã Lương Điền huyện Cẩm Giàng. Làng Đông Giao hiện còn một ngôi nhà như một bảo tàng nhỏ lưu giữ các hiện vật do thợ làng khắc như: ngai, khám, hương án, bát biểu đặc biệt còn đôi long mã được điêu khắc công phu.

Thợ Đông Giao xưa chuyên làm các loại đồ thờ, vật trang trí bằng gỗ như ngai, bài vị, long đình, hương án, bát biểu, đao, kiếm, kiệu song loan, cửa võng, cuốn thư, hoành phi, câu đối, voi ngựa và một số đồ dùng gia đình. Hiện nay có 97% gia đình ở Đông Giao làm nghề chạm với hàng trăm thợ và chủ yếu chạm khắc và khảm trai các sản phẩm như cây cảnh, tranh, tượng, con giống, hàng lưu niệm và hàng nội thất gia đình...

Làng thêu ren (Xuân Nẻo)

Làng thêu ren thuộc xã Hưng Đạo huyện Tứ Kỳ cách thành phố Hải Dương 20 km về phía Nam. Nghề thêu là một trong nghề cổ truyền lâu đời, đến đầu thế kỷ 20 nghề thêu ở Xuân Nẻo được phục hồi và phát triển nhanh chóng. Sản phẩm là những bức tranh thêu đặt hàng với chủ đề chủ yếu là cây, hoa lá, động vật và một số hình ảnh tiêu biểu về đất nước Việt Nam.

Làng nghề gốm Chu Đậu

Làng Gốm Chu Đậu thuộc xã Thái Tân, huyện Nam Sách cách thành phố Hải Dương 16km về phía tây bắc. Nghề sản xuất gốm mỹ nghệ Chu Đậu đã xuất hiện ở làng Chu Đậu cách đây hơn 4000 năm. Nơi đây đã từng là trung tâm sản xuất gốm mỹ nghệ xuất khẩu lớn của Việt Nam. Nhưng do nhiều nguyên nhân, nghề gốm Chu Đậu đã bị thất truyền nhiều thế kỷ. Đến năm 2001 tổng công ty Thương mại Hà Nội đã đầu tư xây dựng Xí nghiệp gốm tại Chu Đậu và nghề sản xuất gốm đã được khôi phục và phát triển. Gốm Chu Đậu ngày nay được ưa thích bởi chất lượng cao, chủng loại phong phú, hoa văn tinh túy với chất men độc đáo và đa dạng.

Làng giấy dếp da Tam Lâm

Làng giấy dếp da Tam Lâm thuộc xã Hoang Diệu, huyện Gia Lộc cách thành phố Hải Dương 13km về phía tây nam. Nghề đóng giấy dếp da Tam Lâm ra đời cách đây 5 – 6 thế kỷ. Đầu thế kỷ XX, nghề đóng giấy dếp tương đối phát triển với sự đa dạng của mẫu mã giấy dếp nam, nữ bằng da thuộc, da giả.

Làng vàng bạc Châu Khê

Làng vàng bạc Châu Khê thuộc xã Thúc Kháng huyện Bình Giang cách thành phố Hải Dương 25km. Nghề sản xuất đồ mỹ nghệ bằng vàng, bạc ở Hải Dương xuất hiện từ thế kỷ 17 và vẫn được duy trì cho đến ngày nay. Hiện nghề được phát triển và nâng cao về kỹ thuật, chất lượng sản phẩm vàng, bạc, kim cương...mẫu mã ngày càng đa dạng phong phú đáp ứng nhu cầu trang sức hiện đại.

Làng nghề chạm khắc đá Kính Chủ

Làng nghề chạm khắc đá Kính Chủ thuộc xã Phạm Mệnh huyện Kim Môn cách thành phố Hải Dương 30km. Nghề chạm khắc đá ở Kính Chủ có tư khoảng thế kỷ thứ 13 và được duy trì cho đến ngày nay. Sản phẩm của các nghệ nhân ở đây là các bức tượng đá, các bia đá và các bức phù điêu tại các đình, chùa, hang động... có giá trị văn hoá tiêu biểu của dân tộc.

Các công trình văn hoá khác:

Bên cạnh các công trình tôn giáo theo đạo Phật, thì Công giáo cũng có một số công trình nổi tiếng như : nhà thờ Kẻ Sặt, nhà thờ Hải Dương.

b. Tài nguyên phi vật thể

• Lễ hội truyền thống

Theo báo cáo kết quả điều tra tài nguyên du lịch của sở Thương mại và Du lịch được thực hiện năm 2007 trong đó có 731 lễ hội được tổ chức hàng năm có 50 lễ hội tiêu biểu có khả năng nâng cấp thành sản phẩm du lịch.

Lễ hội truyền thống là tài nguyên nhân văn có giá trị du lịch rất lớn. Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hoá đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc hay một hình thức sinh hoạt tập thể của nhân dân sau những ngày lao

động vật và hoặc là dịp để mọi người hướng về một sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước, những sinh hoạt tín ngưỡng của nhân dân, hoặc đơn thuần là hoạt động có tính chất vui chơi giải trí. Do vậy lễ hội có tính hấp dẫn cao đối với du khách. Hội làng ở Hải Dương mang những nét tiêu biểu của hội làng người Việt, ở đồng bằng sông Hồng là loại lễ hội truyền thống tiêu biểu cho nông thôn Việt Nam.

Thời gian tổ chức lễ hội thường diễn ra vào 2 mùa: Mùa xuân và mùa thu.

Nét độc đáo chung của các lễ hội : có lễ dâng hương, đọc chúc văn, lễ ban ân, tế, lễ rước bộ, rước thủy, hát quan họ, hát xẩm, hát chèo, hát ca tru, hát tuồng, và rất nhiều trò chơi dân gian...

Các lễ hội tiêu biểu là:

Lễ hội Côn Sơn

Lễ hội Côn Sơn diễn ra từ ngày 15→23 tháng Giêng âm lịch hàng năm. Quy mô lễ hội mang tính quốc gia. Trong hội có một số trò vui như đấu vật, hát chèo, hát trống quân... Lễ hội Côn Sơn ngày nay không chỉ vẫn giữ nguyên được bản sắc lễ hội truyền thống mà còn phong phú hơn bởi hoạt động nghệ thuật, thể thao đặc sắc.

Lễ hội đền Kiếp Bạc

Lễ hội Kiếp Bạc diễn ra từ ngày 15 – 20 tháng 8 âm lịch, ngày hội chính là ngày 20. Lễ hội được tổ chức vào ngày giỗ Trần Hưng Đạo hàng năm. Trong lễ hội có trò chơi thủy chiến rất hấp dẫn và thu hút nhiều du khách.

Lễ hội đền Quát

Đền Quát thuộc thôn Hạ Bì , xã Yết Kiêu huyện Gia Lộc.Căn cứ vào lịch sử và các thư tịch cổ có liên quan,lễ hội đền Quát được hình thành vào cuối thời Trần

Lễ hội diễn ra trong 3 ngày từ ngày 16 đến hết ngày 18 tháng giêng. Lễ hội truyền thống gắn liền với việc tưởng niệm Yết Kiêu – danh tướng thủy quân từng có công lớn trong 2 cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ 2 (1285) thứ 3 (1288) góp phần giữ vững độc lập dân tộc.

Lễ hội đình Vạn Niên

Đình Vạn Niên thuộc khu phố Hoàng Thanh, thị trấn Nam Sách huyện Nam Sách. Lễ hội đình Vạn Niên diễn ra từ ngày 11 đến ngày 14 tháng Giêng để kỷ niệm ngày mất của vị thành hoàng làng Nguyễn Quý Minh – làm quan dưới triều vua Lê Hồng Đức có nhiều chiến công chống giặc ngoại xâm. Trong lễ hội có phần tổ chức diễu võ rất đặc sắc, và nhiều trò chơi dân gian khác như: đánh cờ, trọi gà, hát chèo..

Có thể nói , những lễ hội diễn ra là sự phản ánh đời sống của nhân dân trong vùng, ngoài phần kiến trúc lịch sử của di tích thì chính những nét đặc sắc của lễ hội là hạt nhân thu hút thị trường khách du lịch văn hoá. Tuy nhiên các nghi thức lễ hội không còn phong phú như xưa, nhiều nghi thức trò chơi, loại hình nghệ thuật và tục hèm tiêu biểu làm nên nét riêng của lễ hội đã không còn nhiều mà thay thế vào đó là nhiều nghi thức khác nhau.

• Văn nghệ diễn xướng dân gian

Nền văn hoá của đồng bằng sông Hồng đã tác động rất lớn đến văn nghệ dân gian của Hải Dương. Theo kết quả điều tra các loại hình dân gian đặc sắc còn được lưu giữ là hát chèo, hát tuồng Thạch Lỗi - Cẩm Giàng, hát đối Gia Xuyên – Gia Lộc, hát trống quân ở Tào Khê – Bình Giang, xiếc ở Thanh Miện, múa rối nước ở Thanh Miện, múa rối nước ở Ninh Giang, Gia Lộc, Thanh Hà, ca trù ở Gia Lộc, Tứ Kỳ...

2.1.2.3 Ẩm thực

Hải Dương nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, lại có những loại cây đặc sản như vải thiều, có vùng nước lợ...nên ẩm thực Hải Dương cũng có những nét độc đáo riêng biệt. Một số loại nổi tiếng :

Bánh đậu xanh, bánh khảo, bánh cuốn thành phố Hải Dương

Bánh Gai Ninh Giang

Vải thiều Thanh Hà

Dưa hấu Gia Lộc

Rượu Phú Lộc, nếp cái hoa vàng Kim Môn

Mắm rươi, mắm cáy Thanh Hà, Kim Thành

Giò chả Gia Lộc

Bánh đa Kẻ Sặt

2.1.3 Đánh giá chung về tài nguyên du lịch Hải Dương

a. Lợi thế

Hải Dương nằm trong trung tâm công nghiệp và du lịch lớn của miền Bắc, nằm trong vùng động lực phát triển kinh tế vùng Bắc Bộ, có hệ thống đường bộ, đường sông nối liền với hệ thống giao thông quốc gia, có ưu thế hội nhập vào nền kinh tế quốc gia, khu vực và quốc tế. Mặt khác Hải Dương nằm trong tam giác tăng trưởng kinh tế Bắc Bộ (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh) các tỉnh này đều có các điểm du lịch hấp dẫn, hàng năm thu hút một lượng lớn khách du lịch trong nước và nước ngoài. Sự giao lưu giữa 3 địa danh này tạo nên hoạt động du lịch sôi động và đều lưu thông qua Hải Dương. Hệ thống giao thông thuận lợi tạo điều kiện cho Hải Dương dễ dàng liên kết với các tỉnh trong vùng du lịch Bắc Bộ, nối tour, tuyến du lịch và mở rộng khai thác thị trường.

Hải Dương có nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên với cảnh quan và hệ sinh thái, đặc biệt là vùng núi phía bắc (Chí Linh, núi Am Phụ), nổi tiếng là khu Côn Sơn, núi Am Phụ, núi đá vôi Dương Nham và động Kính Chủ cùng quần thể các hang động, các khu đa dạng sinh học đã tạo nên sức mạnh tổng hợp khi khai thác phát triển du lịch.

Hải Dương có nhiều tài nguyên du lịch nhân văn, là nơi địa linh nhân kiệt, có nền văn hoá lâu đời, có truyền thống hiếu học và còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử có giá trị của dân tộc. Các di tích lịch sử văn hoá có kiến trúc độc đáo, có sự giao thoa giữa kiến trúc phương Đông và phương Tây, mỗi di tích lại gắn với lễ hội truyền thống làm phong phú thêm cho bản sắc văn hoá dân tộc là điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch văn hoá lịch sử.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử làng nghề truyền thống ở Hải Dương đã tích tụ nhưng kinh nghiệm có giá trị, dưới bàn tay tài hoa của các nghệ nhân qua nhiều thế hệ đã tạo ra những sản phẩm phục vụ đắc lực cho đời sống xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho khai thác thành sản phẩm du lịch.

Nguồn tài nguyên du lịch phân bố tương đối đồng đều trên toàn tỉnh tạo thuận lợi cho đầu tư phát triển du lịch, tổ chức các cụm du lịch, các chương trình du lịch.

Với những thuận lợi trên, nếu khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, du lịch Hải Dương sẽ có đủ điều kiện để phát triển nhanh và bền vững.

b. Hạn chế.

Tài nguyên du lịch Hải Dương nhiều về số lượng nhưng không có lợi thế so sánh, trừ khu Côn Sơn - Kiếp Bạc được đánh giá là danh thắng tâm cỡ quốc gia, các tài nguyên khác đều có những nét tương đồng với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đòi hỏi trong khai thác sử dụng cần có nghiên cứu chuyên sâu để tạo sự khác biệt nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

Nhận thức về quản lý bền vững nói chung, quản lý bền vững tài nguyên du lịch nói riêng còn rất hạn chế. Việc quản lý tài nguyên du lịch chông chéo giữa ngành với ngành, giữa ngành với chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành. Vì vậy việc khai thác và quản lý tài nguyên du lịch theo quy định còn nhiều bất cập, đây cũng là nguyên nhân của tình trạng mạnh ngành nào ngành nấy khai thác dẫn đến sự suy thoái tài nguyên, môi trường không đảm bảo được sự bền vững nói chung, sự phát triển du lịch bền vững nói riêng.

Năng lực quản lý nói chung và năng lực quản lý tài nguyên du lịch nói riêng của các cấp còn hạn chế. Bên cạnh đó cuộc sống của cộng đồng của nơi có tài nguyên du lịch nhìn chung còn nhiều khó khăn. Vì vậy tình trạng tác động của cộng đồng đến tài nguyên du lịch còn rất lớn, nhiều nơi rất nghiêm trọng. Tình trạng khai thác đá, san lấp, lấn chiếm lòng hồ, xây dựng tràn lan trong các khu du lịch... diễn ra tương đối phổ biến.

Sự phối hợp liên ngành giữa ngành du lịch và chính quyền địa phương, đặc biệt là các địa phương trọng điểm phát triển du lịch chưa được tốt. Đây là nguyên nhân cơ bản của tình trạng thiếu nhất quán trong sử dụng tài nguyên du lịch giữa các ngành trên lãnh thổ.

2.2 Thực trạng phát triển du lịch Hải Dương

2.2.1 Thực trạng các hoạt động của du lịch Hải Dương.

a. Khách du lịch

Khách du lịch đến Hải Dương trong 6 năm qua đều có mức tăng trưởng ổn định, nhịp độ tăng trưởng trung bình là 27,1%/năm. Trong đó khách lưu trú là 20,6%, khách không lưu trú là 29,6%. Về số tuyệt đối, khách lưu trú quốc tế và nội địa năm 2008 tăng 3,7 lần so với năm 2001 (bảng 5). Ngoài ra còn có một lượng khách lễ hội lớn đi về trong ngày và số khách này đến các đền chùa vì mục đích tâm linh, không mua sắm và sử dụng dịch vụ du lịch nên không được thống kê vào tổng lượt khách, song đối tượng khách này là thị trường tiềm năng rất lớn của ngành du lịch.

Tuy nhiên khách lưu trú lại Hải Dương còn quá ít, chỉ chiếm khoảng trên 20% khách lưu trú và 5% so với tổng lượt khách. Số ngày lưu trú của khách du lịch cũng thấp, đạt trung bình là 1,3 ngày. Nguyên nhân chủ yếu là sản phẩm du lịch chưa đủ sức hấp dẫn để đón khách du lịch thuần túy nên thị trường khách quốc tế đến Hải Dương không ổn định. Đối tượng khách quốc tế chủ yếu là khách đi khảo sát, thực hiện một số dự án đầu tư, khách của các tổ chức phi chính phủ làm từ thiện, khách đến chơi golf, và khách nước ngoài về thăm thân... Khách đi theo tour hầu như chỉ dừng chân mua sắm. Vị trí địa lý, nằm kề thủ đô Hà Nội cũng là một nguyên nhân khiến cho khách du lịch có thời gian lưu trú ngắn nên khách chỉ ghé qua Hải Dương rồi về Hà Nội nghỉ. Điều này đòi hỏi phải có nghiên cứu về nhu cầu, thị hiếu của khách du lịch để có chiến lược về thị trường và sản phẩm tương ứng cho khách du lịch quốc tế và kéo dài thời gian lưu trú, tăng chi tiêu của khách.

**Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển
du lịch bền vững**

Bảng 5: Tổng hợp khách du lịch (2001- 2008) Đơn vị tính: nghìn lượt khách

Năm Chi tiêu	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Tốc độ tăng trưởng (%)
	Tổng lượt khách	354	472	631	720	851	1.100	1.550	1.900
Khách lưu trú	113	122	151	203	251	303	365	420	20,6
+ Khách nội quốc tế	27	26	31	38	51	60	82,5	100	20,6
+ Khách nội địa	86	96	120	165	200	243	282,5	320	20,7
Khách không lưu trú	241	350	480	517	600	797	1.185	1.480	29,6
Khách quốc tế (do các điểm dừng chân phục vụ)	115	163	206	232	289	374	556	637	
Khách nội địa	126	187	264	285	311	423	629	843	

b. Thu nhập du lịch

Thu nhập du lịch Hải Dương giai đoạn 2001- 2008 có mức tăng trưởng cao, tăng bình quân 23,4%/năm. (bảng 6)

**Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển
du lịch bền vững**

Bảng 6: Thu nhập du lịch giai đoạn 2001 – 2008 (tỷ đồng)

Chi tiêu \ Năm	Năm								
	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Tốc độ tăng trưởng bình quân (%)
Tổng thu nhập du lịch	120	140	167	206	300	360	465	530	24,3
Lữ hành	0,8	7,1	9,0	9,2	16,0	17,6	19,2	18	56
Cho thuê buồng	13,2	23,0	26,5	28,5	45,0	62,0	90,5	125	37,8
Bán hàng ăn uống	40,3	35,6	40,4	45,3	60,0	82,8	95,0	120	16,8
Bán hàng hoá	35,2	28,5	32,1	50,0	64,0	60,0	80,0	110	17,6
Vận chuyển KDL	16,3	30,9	38,2	44,8	65,0	87,2	105	109	31,8
Phục vụ vui chơi giải trí	13,4	13,0	15,7	21,2	35,0	36,4	50,0	35	14,7
Thu khác	0,8	1,9	5,1	7,0	15,0	14,0	25,0	13	
Chỉ tiêu trung bình của 1 lượt khách (nghìn người)	339	297	265	286	353	327	300	279	

Thu nhập từ hoạt động lữ hành có tốc độ tăng là 56%, tăng cao nhất so với các hoạt động khác, nguyên nhân là do thu nhập lữ hành kỳ gốc quá thấp, năm 2001 dịch vụ này gần như chưa được quan tâm, đến năm 2008 dịch vụ lữ hành đã được chú trọng. Các doanh nghiệp lữ hành đã tăng cường tiếp thị quảng bá và khẳng định thương hiệu đồng thời các đoàn khách du lịch tập thể đã quen dần với việc sử dụng dịch vụ lữ hành, không tự tổ chức các chuyến du lịch. Tuy nhiên số thu nhập tuyệt đối còn rất thấp, điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với du lịch bền vững.

Thu nhập từ hoạt động lưu trú và vận chuyển khách du lịch cũng có tốc độ tăng trưởng cao (trên 30%) vì các dịch vụ này ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Thu nhập từ hoạt động vui chơi giải trí có tốc độ tăng trưởng thấp nhất và chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu du lịch. Nguyên nhân là do số lượng cơ sở vui chơi giải trí còn ít, dịch vụ còn nghèo nàn, chất lượng thấp. Đây là một

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

hạn chế rất lớn đối với việc tăng thời gian lưu trú, tăng chi tiêu của khách, ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững.

Cơ cấu chi tiêu của khách du lịch vẫn dành phần lớn cho dịch vụ lưu trú và ăn uống, chi tiêu vui chơi giải trí chỉ chiếm 10%. Việc chuyển dịch cơ cấu chi tiêu của khách cho hợp lý là rất quan trọng trong kinh doanh du lịch. Trong những năm tới cần hướng cho khách chi tiêu nhiều hơn vào việc mua sắm hàng lưu niệm (thẻ mạnh của Hải Dương) và sử dụng các dịch vụ bổ sung khác. Muốn vậy đầu tư cho các làng nghề, các cơ sở sản xuất và bán hàng lưu niệm, các cơ sở vui chơi giải trí, các dịch vụ khác phong phú, có chất lượng cao.

c. Cơ sở vật chất kĩ thuật du lịch

Cơ sở vật chất kĩ thuật du lịch là một trong những yếu tố quan trọng trong kinh doanh du lịch và được quan tâm hàng đầu vì nó tác động trực tiếp đến thu nhập du lịch và có khả năng sinh lợi lớn. Cơ sở vật chất kĩ thuật du lịch bao gồm hệ thống cơ sở lưu trú, vui chơi giải trí, phương tiện vận chuyển khách và các dịch vụ có liên quan.

Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch

Trong những năm qua hệ thống cơ sở lưu trú của Hải Dương phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng phần nào nhu cầu của khách du lịch. Năm 2001 toàn tỉnh có 30 khách sạn , nhà nghỉ với tổng số phòng 557 phòng, buồng nghỉ đến năm 2008 đã có 102 cơ sở lưu trú du lịch với trên 2000 phòng, trong đó có 1 khách sạn 4 sao với 168 phòng, 14 khách sạn 1-2 sao với 394

phòng còn lại là các khách sạn nhà nghỉ đạt tiêu chuẩn.(bảng 6)

Bảng 6: Tổng hợp các cơ sở lưu trú du lịch giai đoạn 2001-2008

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Số cơ sở lưu trú	33	40	56	62	68	73	83	102
Tổng số phòng	650	810	950	1099	1340	1340	1920	2350
Tổng số giường	1050	1215	1520	1648	2144	2144	3200	3520
Công suất sử dụng phòng								60%

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Công suất sử dụng buồng phòng của cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh ước đạt 60%, thời gian lưu trú của khách trung bình chỉ đạt khoảng 1.5 ngày/ lượt khách.

Giá dịch vụ lưu trú của các cơ sở lưu trú tương đối ổn định theo giá mà các cơ sở đã niêm yết, trung bình từ 100.000đ -360.000đ/phòng/ ngày đêm, giá phòng tại khách sạn 4 sao Nacimex từ 70USD – 600USD/phòng/ngày đêm tùy thuộc vào từng loại phòng.

Chất lượng du lịch cũng từng bước được nâng lên. Các cơ sở lưu trú đã quan tâm nâng cấp trang thiết bị, tiện nghi phục vụ, đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ như: khách sạn Nacimex, khách sạn Phả Lại, Biệt thự Đồng Xanh, khách sạn ASEAN, khách sạn Âu Cơ, khách sạn Phương Nguyên, khách sạn Phương Đông, khách sạn Hữu Nghị...

Hoạt động vận chuyển

Hoạt động vận chuyển khách du lịch đã và đang hướng tới việc nâng cao chất lượng phục vụ, phần lớn các phương tiện vận chuyển khách được nâng cấp hoặc trang bị mới, phục vụ khách với phương châm an toàn, lịch sự, tiện lợi cho khách. Hải Dương hiện có 21 doanh nghiệp và hộ kinh doanh vận chuyển khách du lịch với trên 700 xe các loại, nhiều doanh nghiệp đã tạo được uy tín với khách như công ty vận chuyển khách du lịch seoul, Tiến Thành, Trường Giang, Trường Sơn, Thế Lân, Lâm Hải, Hải Vân...

Hoạt động lữ hành

Hoạt động lữ hành tại Hải Dương diễn ra rất sôi động, nhu cầu khách du lịch trong tỉnh đi du lịch trong nước và nước ngoài ngày càng cao cùng với các nhu cầu đó là các công ty lữ hành. Các công ty này phát triển nhanh về số lượng, năm 2001 có 3 doanh nghiệp kinh doanh lưu trú kết hợp lữ hành nội địa, đến hết năm 2008 có 14 doanh nghiệp chuyên kinh doanh lữ hành nội địa và 2 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế. Các đơn vị đã chú trọng đẩy mạnh công tác thị trường, xây dựng các tour hấp dẫn theo sở thích và yêu cầu của khách du lịch

***Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển
du lịch bền vững***

như công ty thương mại và du lịch Hạ Long, Phương Dung, Đông Nam Á, Sao Thái Dương...

Hoạt động kinh doanh các dịch vụ khác

Tính đến nay, Hải Dương có 16 đơn vị kinh doanh điểm dừng chân phục vụ khách du lịch nội địa và quốc tế, trong đó 8 đơn vị chuyên đón khách quốc tế. Các điểm dừng chân bán hàng lưu niệm; lĩnh vực sản xuất các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm của các làng nghề truyền thống đã góp phần giới thiệu quảng bá sản phẩm du lịch du lịch Hải Dương ở trong nước và quốc tế như : Minh Anh, Simthơ, Thăng Long star, 559, nhà hàng Minh Đức...

Hải Dương có 3 khu vui chơi giải trí lớn, 02 khu ở thành phố Hải Dương, và một khu ở huyện Chí Linh là sân golf ngôi sao Chí Linh.

d. Về nguồn nhân lực du lịch

Đội ngũ cán bộ , nhân viên tuy có sự trưởng thành về số lượng nhưng chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ phát triển ngành trong xu thế hội nhập. Tỷ lệ được đào tạo còn thấp, những năm gần đây, tổng cục du lịch, UBND tỉnh đã quan tâm, hàng năm cấp kinh phí cho việc đào tạo lại và bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, song với nguồn kinh phí hạn hẹp mà nhu cầu lại quá lớn, trong một thời gian ngắn chưa thể đào tạo bài bản nên chất lượng chưa cao, cả tầm chiến lược và tác nghiệp còn nhiều hạn chế.

Hải Dương hiện có 3000 lao động làm trực tiếp trong các doanh nghiệp du lịch. Trong đó:

- Phân theo trình độ : Đại học, trên đại học 12,3%, cao đẳng 28%, trung học phổ thông là 59,97%.
- Phân theo nghiệp vụ: quản lý 10,46%, lễ tân là 6,93%, buồng 6,83%, bàn 12,72%, bếp 6,34%, lái xe 5,89% còn lại là nhân viên phục vụ các dịch vụ khác...
- Phân theo trình độ ngoại ngữ: tiếng anh 25,1%, Pháp 0,54% Trung 6,24%, ngoại ngữ khác là 5,55% và không biết ngoại ngữ là 62,57%.

e. Đầu tư phát triển du lịch

Tổng vốn đầu tư theo quy hoạch giai đoạn 2003-2020 đã được phê duyệt là 200 triệu USD, trong đó giai đoạn 2003-2010 là 65 triệu USD.

Từ khi có quy hoạch, nhiều thành phần kinh tế đã tham gia đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch. Tính đến nay vốn đầu tư của các doanh nghiệp đã lên tới trên 12 nghìn tỷ đồng. Đầu tư hướng vào xây mới hệ thống khách sạn, nhà hàng và các khu vui chơi giải trí tổng hợp. Trong đó có 3 dự án đầu tư lớn là dự án khu du lịch đảo Ngọc, dự án sân golf Ngôi sao Chí Linh, dự án khu du lịch Hà Hải.

Bên cạnh đó nhà nước đã chú trọng đầu tư cải tạo, bảo tồn nhiều khu di tích, danh thắng quan trọng. Vốn đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch tính đến năm 2008 là khoảng 1000 tỷ đồng. Mặc dù vốn đầu tư cao hơn nhu cầu đặt ra của quy hoạch nhưng đầu tư chủ yếu của thành phần kinh tế tư nhân nên các dự án đầu tư nhỏ lẻ, không tập trung.

2.2.2 Hiện trạng về khai thác tài nguyên và môi trường du lịch

2.2.2.1 Mức độ và hiệu quả của khai thác tài nguyên du lịch

a. Mức độ khai thác

Tỷ lệ khai thác tài nguyên du lịch so với tiềm năng: Tiềm năng du lịch của Hải Dương khá đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, tiềm năng này vẫn chưa được khai thác một cách tương xứng. Tỷ lệ khai thác một số loại tài nguyên du lịch được thể hiện trong bảng...

***Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển
du lịch bền vững***

Bảng 7: Tỷ lệ khai thác tiềm năng một số loại tài nguyên du lịch chính.

STT	Loại tài nguyên	TNDL tiềm năng	Số lượng đã đưa vào khai thác	Tỷ lệ khai thác so với tiềm năng (%)
1	Di tích lịch sử văn hoá	400	176	44
2	Khu sinh thái	16	13	81
3	Hang động	5	1	20
4	Nguồn nước khoáng nóng	1	0	0
5	Hồ nước (DT hơn 30 ha)	5	0	0
6	Sông (có tiềm năng du lịch)	6	0	0
7	Làng nghề	33	5	14

Qua bảng tổng hợp có thể khẳng định tỷ lệ khai thác tài nguyên du lịch còn thấp vì trong số các tài nguyên du lịch được điều tra thì chỉ có khu sinh thái được khai thác tương đối lớn với tỷ lệ 81%, đó đều là những nơi có cảnh quan thiên nhiên đẹp có gắn với những di tích lịch sử, di tích cách mạng hoặc các dự án được quy hoạch khép kín như sân golf, khu Trái Bầu...: các di tích lịch sử văn hoá được sử dụng với tỷ lệ trên 44%, làng nghề được sử dụng ở mức độ thấp còn lại chưa được khai thác sử dụng.

**Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển
du lịch bền vững**

Mức độ khai thác một số loại tài nguyên chính

STT	Loại tài nguyên đã được sử dụng	Đã khai thác	Mức độ khai thác (%)		
			Mạnh	Trung bình	Yếu
1	Di tích lịch sử văn hoá	176	3 (1,7)	19(10,8)	154(87,5)
2	Khu sinh thái	13	3(23)	4(30)	6(47)
3	Hang động	1		1(100)	
4	Làng nghề	5		3(60)	2(40)

Các nguồn tài nguyên đã được khai thác thì mức độ khai thác cũng chưa nhiều. Trong số các di tích lịch sử văn hoá và lễ hội thì chỉ có khu Côn Sơn - Kiếp Bạc và lễ hội Côn Sơn - Kiếp Bạc là được khai thác mạnh còn lại ở mức độ trung bình và yếu. Có thể thấy khu Am Phú - Kinh Chủ vừa có cảnh quan đẹp, vừa có di tích lịch sử quan trọng nhưng mức độ khai thác còn rất yếu. Ngoài ra các khu sinh thái và các làng nghề truyền thống mới ở mức độ khai thác yếu.

b. Hiệu quả khai thác một số loại tài nguyên du lịch chính

Hiệu quả khai thác các điểm di tích lịch sử văn hoá, các lễ hội truyền thống:

Di tích lịch sử văn hoá và các lễ hội truyền thống chiếm tỷ trọng lớn trong nguồn tài nguyên du lịch của Hải Dương. Những năm gần đây, công tác tôn tạo và tu bổ các di tích ngày càng được nhà nước và nhân dân quan tâm. Các di tích tiêu biểu của tỉnh đã được tu bổ và tôn tạo khá hoàn chỉnh các hạng mục chính của di tích, hệ thống di tích xếp hạng quốc gia bước đầu ngăn chặn được nguy cơ xuống cấp, đang từng bước phát huy hệ thống nhà bảo tàng, truyền thống, tưởng niệm được nâng cấp để lưu giữ, bảo quản và trưng bày. Cổ vật tại các di tích đã và đang được kiểm kê một cách khoa học. Di sản văn hoá phi vật thể đã được tổng điều tra, nhận diện từng bước được phục hồi truyền nghề. Những loại hình được phát huy tốt là nghệ thuật cổ truyền, múa rối nước, hát chèo, hát ca trù, chầu văn... đã có kế hoạch lưu truyền trong đời sống nhân dân nhằm phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, giáo dục truyền thống và góp phần vào công tác phát triển du lịch.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Công tác tuyên truyền, giáo dục và phát huy di sản văn hoá trên địa bàn những năm qua được các cấp, các ngành coi trọng, nhất là tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng trung ương và địa phương, tổ chức hội thảo chuyên đề, trưng bày chuyên đề bảo tàng và nhà truyền thống. Nghệ thuật truyền thống như rối nước, hát chèo, ca trù, chầu văn... được tổ chức thường xuyên tại các lễ hội, các buổi liên hoan khu vực và quốc gia. Các di tích được xếp hạng cấp quốc gia và tỉnh đang trở thành một thiết chế giáo dục truyền thống lịch sử văn hoá ngoài nhà trường, đều tổ chức lễ hội văn hoá hàng năm, bảo tồn và phát huy được nhiều loại hình văn hoá phi vật thể được góp phần quảng bá rộng rãi về tỉnh Hải Dương với bạn bè trong và ngoài nước. Các di tích trọng điểm của tỉnh Hải Dương như: Côn Sơn - Kiếp Bạc, Chí Linh bát cổ, đền Cao An Lạc, chùa Thanh Mai, khu Am Phụ - Kính Chủ, Văn Miếu Mao Điền, khu di tích Đại Danh y Tuệ Tĩnh (Cầm Giàng)... đang từng bước trở thành những sản phẩm văn hoá du lịch phục vụ khách trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó ngành du lịch đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá bằng nguồn ngân sách từ chương trình hành động quốc gia về du lịch và ngân sách địa phương, Hải Dương đã đưa hình ảnh du lịch của mình đến với cả nước qua các chương trình : lễ hội Côn Sơn - Kiếp Bạc, hành trình gồm Chu Đậu, lễ hội Lưỡng quốc trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, múa rối nước Ninh Giang. Các tổ chức cá nhân đã đầu tư xây dựng dịch vụ, nhà hàng, khách sạn xung quanh các khu di tích góp phần xây dựng các điểm du lịch nên đã thu hút được hàng nghìn lượt khách đến với lễ hội truyền thống hàng năm, lượng khách ngày một đông, dịch vụ cũng ngày một hoàn chỉnh, thu nhập của người dân cũng ngày càng tăng.

Số lượng di tích đưa vào khai thác và có tiềm năng phát triển du lịch chiếm tỷ lệ 44% và có những đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của tỉnh.

Tuy nhiên , việc khai thác các di tích lịch sử văn hoá phục vụ phát triển du lịch cũng còn những hạn chế nhất định

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Tài nguyên di tích lịch sử văn hoá không chỉ do ngành văn hoá và ngành du lịch quản lý mà còn do địa phương có di tích đó trực tiếp quản lý nên khi phát triển du lịch tại các điểm này thường có các mâu thuẫn nảy sinh: ngành văn hoá muốn bảo tồn các giá trị văn hoá tại các di tích lịch sử, nhưng khi đưa vào khai thác phục vụ du lịch do ý thức của du khách chưa cao nên vô tình hoặc cố ý làm biến đổi cảnh quan di tích, làm ô nhiễm môi trường...

Sự mâu thuẫn giữa các ngành kinh tế và văn hoá : đó là hiện tượng xâm phạm di tích lịch sử danh lam thắng cảnh đã diễn ra tiêu biểu là việc khai thác đá ở khu vực núi đá vôi của huyện Kim Môn, các di tích xung quanh động Hàm Long , hang Đốc Tit ... đã bị các đơn vị kinh doanh nỏ mìn khai thác gần đó phá huỷ cảnh quan di tích.

Công tác quy hoạch tiến hành còn chậm chưa đáp ứng được yêu cầu tu bổ, chống xuống cấp của các di tích, làm ảnh hưởng đến chất lượng tài nguyên.

Việc đưa các di tích lịch sử, di tích cách mạng vào phục vụ du lịch còn hạn chế chưa xứng tầm với giá trị của sự kiện.

Về việc bảo tồn và khai thác tài nguyên văn hoá phi vật thể (các lễ hội truyền thống, nghệ thuật dân gian...) còn hạn chế, chưa xứng tầm với giá trị và tầm vóc, nhiều nghệ nhân cao tuổi, sức yếu, cuộc sống còn nhiều khó khăn ở một số lĩnh vực như ca trù, hát đố, hát trống quân, rối nước... Bởi vậy nguy cơ mai một rất lớn. Bên cạnh đó việc tôn vinh nghệ nhân còn chưa được kịp thời . Tỉnh chưa có chính sách, cơ chế khai thác tài năng và kinh nghiệm của các nghệ nhân nhằm tạo điều kiện cho họ phổ biến, bảo tồn và chuyển giao tài sản văn hoá mà họ đang nắm giữ.

Hiệu quả khai thác làng nghề

Du lịch đã và đang nhận được sự quan tâm trên khắp cả nước, nhiều làng nghề đã được khôi phục và trở thành điểm du lịch hấp dẫn. Làng nghề truyền thống của Hải Dương cũng không nằm ngoài sự phát triển đó, khách du lịch đã tới thăm quan và rất chú ý tới các sản phẩm thủ công truyền thống của các làng nghề Hải Dương.

Tuy nhiên vấn đề đầu tư cho các làng nghề để phục vụ cho du lịch hiện nay chưa được nhiều. Sau một thời gian dài bị cơ chế thị trường làm mai một, một số làng nghề đã được phục hồi và phát triển nhưng phần lớn chỉ chú trọng đến khâu sản xuất sản phẩm chứ chưa được đầu tư thành sản phẩm du lịch hoàn chỉnh. Đa số các làng nghề chưa có điểm tiếp khách và giới thiệu sản phẩm, kết cấu hạ tầng còn nhiều bất cập. Công tác bảo tồn chưa được coi trọng, cảnh quan làng nghề nhiều nơi bị đô thị hoá một cách thiếu quy hoạch và lộn xộn, các di tích đền, chùa ... quá cũ kỹ và sơ sài. Do vậy hiệu quả du lịch ở các làng nghề chưa cao.

Hiệu quả khai thác tài nguyên du lịch tự nhiên:

Ở Hải Dương, bắt đầu hình thành một số loại hình du lịch dựa vào việc khai thác tiềm năng du lịch tự nhiên như:

- Du lịch leo núi, ngắm cảnh ở Côn Sơn - Phượng Hoàng - Kỳ Lân .
- Du lịch sinh thái, tham quan., nghiên cứu hệ sinh học đa dạng Đảo Cò, sinh thái vùng dọc sông Hương.
- Du lịch thể thao: chơi golf (sân golf Ngôi sao Chí Linh đạt tiêu chuẩn quốc tế) đua thuyền truyền thống, đua xe đạp....
- Du lịch nghiên cứu, khám phá hang động Kính Chủ - Dương Nham – Am Phụ
- Du lịch đường sông gắn liền với các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh: Lục Đầu giang, sông Kinh Thầy, sông Hương....

Các loại hình du lịch ngày càng được các doanh nghiệp quan tâm đã làm tăng hiệu quả khai thác tài nguyên du lịch Hải Dương.

2.2.2.2 Những tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên và môi trường

Hoạt động du lịch làm tăng áp lực về chất thải sinh hoạt, góp phần làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí.

Ô nhiễm môi trường do tác động của hoạt động du lịch xuất hiện từ những nhân tố chủ quan (hoạt động của các cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch : khách sạn, nhà hàng, phương tiện vận chuyển) và nhân tố chủ quan (khách du lịch). Từ thực trạng du lịch của tỉnh theo phân tích trên, phạm vi tác động của

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

hoạt động du lịch đối với môi trường, chủ yếu tại các khu du lịch, điểm du lịch thu hút đông du khách bao gồm: các khu du lịch sinh thái, thành phố Hải Dương và các điểm du lịch văn hoá lễ hội, Côn Sơn - Kiếp Bạc, Kính Chủ, đền Tranh... Nguồn gây ô nhiễm môi trường từ các chất thải rắn, nước thải, khí thải do các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch và khách du lịch thải ra.

Chất thải rắn gồm các loại rác hữu cơ (chủ yếu là phế thải lương thực, thực phẩm, thực vật, động vật dưới dạng ăn thừa) và rác vô cơ (nguyên vật liệu xây dựng, vỏ bao bì). Hầu hết các loại thức ăn thừa tại các khách sạn, nhà hàng đều được thu gom và bán cho cơ sở chăn nuôi. Một phần vỏ, xương động vật làm thực phẩm thải ra ngoài. Đây là nguồn gây ô nhiễm trực tiếp tới môi trường tự nhiên. Lượng rác thải do khách du lịch trực tiếp thải ra và các cơ sở phục vụ khách du lịch thải ra tính trung bình cho 1 lượt khách ở từng loại hình du lịch cũng khác nhau .

Nước thải chủ yếu nước đã qua sử dụng tại các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng. .. thải ra ngoài. Lượng nước thải ra của một cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch gần bằng lượng nước cấp theo nhu cầu sử dụng thực tế của cơ sở đó. Đối với từng cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch, lượng nước thải phụ thuộc vào từng loại, hạng khách sạn và công suất sử dụng buồng của khách sạn.

Mức sử dụng nước bình quân cho một khách du lịch trong khách sạn (bằng tổng lượng nước tiêu thụ / tổng số lượt khách). Tại khu vực thành phố Hải Dương mức sử dụng nước bình quân /1 khách khoảng $0.7m^3$ / người/ ngày. Bình quân mỗi ngày các cơ sở lưu trú du lịch tại khu vực thành phố Hải Dương thải lượng nước khoảng $300m^3$.

Nước thải từ các khu du lịch có nhiều chất hoá học, dầu mỡ...hầu hết không được qua hệ thống xử lý và xả thẳng ra hệ thống thoát nước chung gây ô nhiễm nguồn tài nguyên đất, nước mặt. Mùi xú uế bốc lên gây ô nhiễm môi trường không khí.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Khí thải gồm khí thải động cơ của phương tiện vận chuyển khách du lịch, khí thải đun nấu tại các nhà hàng, khí thải hình thành do việc đốt vàng mã, thắp hương, đốt đèn, nến, tại các đền, chùa, đình, miếu, khí thải máy điều hoà. Lượng khí thải thoát tự nhiên ra ngoài môi trường gây ô nhiễm môi trường không khí.

Bụi lơ lửng chủ yếu hình thành do hoạt động của các loại phương tiện vận chuyển khách du lịch và việc đốt vàng mã tại các điểm du lịch lễ hội.

Làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất, làm tăng nguy cơ suy thoái đất.

Việc phát triển các khu du lịch là rất cần thiết nhằm tạo các sản phẩm du lịch có chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch, đem lại hiệu quả kinh tế cho xã hội. Việc phát triển các khu du lịch lớn sẽ làm thay đổi đáng kể cơ cấu sử dụng đất. Điều này rất có ý nghĩa đối với các khu đô thị, nơi quỹ đất khan hiếm.

Trong quá trình phát triển hạ tầng và xây dựng các khu du lịch, các hoạt động chủ yếu bao gồm san lấp mặt bằng, khai thác vật liệu để khai thác các công trình hạ tầng và dịch vụ du lịch; xây cơ sở hạ tầng; các công trình dịch vụ du lịch, các hoạt động vận chuyển... Các hoạt động này sẽ tác động, làm ảnh hưởng trực tiếp đến cảnh quan, làm thay đổi cấu trúc địa chất khu vực tạo ra sự mất cân bằng tương đối, gây ra suy thoái đất. Vấn đề này ở Hải Dương chưa ảnh hưởng nhiều vì còn ít các khu du lịch được xây dựng nhưng trong tương lai gần mức độ ảnh hưởng là rất lớn.

Tác động làm suy giảm sinh thái và suy giảm đa dạng sinh học

Các yếu tố gây ô nhiễm từ chất thải của hoạt động du lịch mà không được thu gom, xử lý đều ảnh hưởng trực tiếp đến các hệ sinh thái, đặc biệt là thủy sinh (thiếu oxi và chất hữu cơ). Các loài sinh vật trên cạn khi ăn các chất thải khó tiêu huỷ dễ bị chết đồng thời chúng cũng dễ bị lây truyền dịch bệnh từ nơi này sang nơi khác qua chất thải của khách du lịch.

Hoạt động du lịch không được quản lý sẽ tác động đến nơi cư trú, tập tính hoang dã của nhiều loài sinh vật khiến chúng bỏ đi hoặc suy giảm về số lượng và khả năng sinh sản bị ảnh hưởng.

Nhu cầu thiếu ý thức của một bộ phận khách du lịch đã và đang kích thích việc săn bắt, nhiều loài sinh vật để bán, làm món ăn đặc sản.

Tác động tới văn hoá truyền thống

Bên cạnh những tác động tích cực, hoạt động du lịch thời gian qua đã có những ảnh hưởng về văn hoá – xã hội, tạo sự thay đổi một số giá trị văn hoá truyền thống như nếp sống, lễ nghi trong cuộc sống cộng đồng, làm thay đổi về chuẩn mực truyền thống đạo đức xã hội, đặc biệt giới trẻ, làm tăng tính thương mại trong các hoạt động lễ hội truyền thống, sự gia tăng tệ nạn xã hội...

Khó có thể định lượng được những tác động của du lịch đến các giá trị văn hoá truyền thống vì phần lớn đây là những tác động gián tiếp thời gian tác động kéo dài... Tuy nhiên có thể khẳng định đây là những ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường nhân văn trong quá trình phát triển du lịch.

2.2.2.3 Đóng góp cho hoạt động bảo tồn từ du lịch

Đóng góp cho việc bảo vệ, tôn tạo và phát triển các nguồn tài nguyên từ du lịch ở Hải Dương còn rất hạn chế. Mọi quan tâm lớn hiện nay của các danh nghiệp, của các ngành quản lý tài nguyên du lịch theo quy định của pháp luật là khai thác các tiềm năng đó để thu lợi nhuận. Việc trích lại doanh thu từ du lịch để bảo vệ, tôn tạo và phát triển các nguồn tài nguyên du lịch rất được quan tâm.

2.2.3 Những vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững của Hải Dương

a. Những vấn đề đặt ra từ góc độ bền vững về kinh tế

Khách du lịch là cơ sở cho sự phát triển của ngành Du lịch bởi lượng khách tăng đồng nghĩa với việc tăng thu nhập về du lịch, tăng khả năng đóng góp của ngành du lịch vào tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Tuy nhiên một vấn đề cần đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững từ góc độ kinh tế là chất lượng nguồn khách. Khách quốc tế còn quá ít, khách du lịch

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

thuần túy chủ yếu là đi theo tour chỉ dừng chân mua sắm, khách lưu trú phần lớn là khách thương mại. Khách nội địa chủ yếu là khách hành hương, lễ hội và khách đi về trong ngày. Hiệu quả khai thác du lịch còn thấp. Như vậy vấn đề rất quan trọng đặt ra đối với sự phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương đứng từ góc độ kinh tế mặc dù số lượng khách du lịch và thu nhập từ du lịch những năm qua đều ghi nhận sự tăng trưởng.

Du lịch Hải Dương cũng đã nỗ lực trong việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá dưới nhiều hình thức. Song hiệu quả còn hạn chế. Việc quảng bá sản phẩm du lịch chủ yếu dựa trên những gì sẵn có mà chưa quan tâm đến sản phẩm thị trường cần. Vì vậy ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách du lịch làm giảm hiệu quả kinh doanh của hoạt động du lịch.

Chất lượng đội ngũ lao động trong ngành du lịch còn yếu ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm du lịch.

b. Những vấn đề đặt ra từ góc độ về môi trường

Hiện nay hoạt động du lịch đang phải đối mặt với những thách thức không nhỏ bởi sự suy thoái môi trường tự nhiên, đặc biệt là sự ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí diễn ra ở bình diện lớn, tập trung ở khu công nghiệp, khu dân cư khu du lịch, các làng nghề. Bên cạnh đó, sự suy giảm đa dạng sinh học, sự gia tăng tai biến và sự cố môi trường cũng có những ảnh hưởng đáng kể đến phát triển du lịch bền vững.

Ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước: với sự phát triển nhanh chóng của các ngành kinh tế thì ô nhiễm không khí và môi trường nước đã và đang là vấn đề lan giải ở các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chợ của tỉnh.

Ở các khu công nghiệp, tình trạng ô nhiễm do lượng khí thải từ các nhà máy không có thiết bị xử lý khí thải. Các hoạt động công nghiệp, xây dựng ở nhiều nơi hàm lượng bụi trong không khí đã cao hơn giới hạn cho phép gấp nhiều lần. Nhất là ở khu công nghiệp khai thác đá, chế biến xi măng Kim Môn, tập trung ở các xã Minh Tân, Tân Dân, thị trấn Phú Thứ. Ô nhiễm khí thải gây nhiều hậu quả xấu cho môi trường đặc biệt khói, bụi từ các công trường khai thác đá và

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

nhà máy xi măng thải ra đều không được xử lý triệt để mà đây là nguồn ô nhiễm đặc biệt nguy hiểm. Ở khu vực này hầu hết bị ô nhiễm không khí, đặc biệt là bụi và tiếng ồn do công tác khai thác đá, hoạt động của các nhà máy xi măng cùng nhiều phương tiện cơ giới qua lại. Môi trường nước tại các sông Kim Môn, Kinh Thầy cũng bị ô nhiễm nặng nề do váng dầu của các tàu, thuyền, xà lan vận chuyển xi măng, cát, đá. Đây là sức ép rất lớn đối với hoạt động du lịch tại các khu vực huyện Kim Môn. Quy hoạch khu du lịch Am Phụ - Kính Chủ đã được phê duyệt nhưng rất nhiều nhà đầu tư còn do dự vì vấn đề môi trường ở khu vực này.

Ở khu vực chợ, điển hình là chợ đầu mối Gia Lộc với lượng dưa hấu lưu thông hàng ngày không chôn lấp đúng quy định đã làm ô nhiễm cả một bầu không khí và một vùng dân cư rộng lớn. Khách qua lại khu vực này bằng mùi hôi thối nồng nặc, nhất là ngày sau mưa, nắng lên cộng với mùi hôi thối là muỗi và côn trùng dày đặc.

Ở các vùng đô thị, điểm tập trung dân cư và điểm du lịch vấn đề ô nhiễm môi trường do khí thải, chất thải từ hoạt động xe cơ giới với cường độ và số lượng ngày càng tăng và do không xử lý hoặc xử lý ở mức độ thấp. Điều này ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng sinh hoạt dân cư và các hoạt động kinh tế xã hội trong đó có du lịch. Thành phố Hải Dương là nơi tập trung đa số các cơ sở lưu trú du lịch và các dịch vụ vui chơi giải trí vậy mà cứ vào các buổi chiều tối là cả thành phố lại chìm trong mùi hôi tanh của rác thải.

Môi trường sinh học bị suy giảm:

Hải Dương là tỉnh đồng bằng và có đồi rừng nên hệ sinh thái tương đối đa dạng và phong phú. Do những năm trước đây việc phát triển kinh tế chưa theo quy hoạch, khai thác đất, chặt phá rừng còn bừa bãi, công tác khai thác đá ở trên núi đã có tác động xấu đến cảnh quan môi trường và điều kiện sinh thái. Ngoài ra việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân hoá học trong quá trình canh tác không hợp lý, đồng thời mức độ phát triển công nghiệp và quá trình đô thị hoá nhanh chất thải ngày càng nhiều đã ảnh hưởng đến môi trường, môi sinh.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Hệ sinh thái rừng ở 2 huyện Chí Linh và Kim Môn khá đa dạng và phong phú và có nét đặc trưng là tài nguyên rừng kết hợp với hệ sinh thái nông nghiệp được đặc trưng bởi các loại cây hoa màu, điều đó làm tăng thêm vẻ đẹp cảnh quan môi trường. Tuy nhiên các hệ sinh thái có những nét đặc trưng khác nhau cùng với các hoạt động dân sinh không được quản lý chặt chẽ, và không tổ chức khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên nên các hệ sinh thái tại đây suy giảm nghiêm trọng. Thêm vào đó tình trạng ô nhiễm không kiểm soát được và không có biện pháp xử lý kịp thời cũng gây lên suy thoái môi trường sinh thái. Các hệ sinh thái ở đây vốn phong phú, nay đã không còn như trước. Điều này sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng do mất cân bằng tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững.

c. Vấn đề đặt ra từ góc độ bền vững về xã hội.

Mặc dù phát triển du lịch thời gian qua đã có những đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội chung, tạo thêm việc làm cho xã hội. Tuy nhiên nhận thức về du lịch vẫn chưa được đầy đủ và nhất quán nên ảnh hưởng tới sự phối hợp giữa ngành du lịch với các địa phương và các ngành có liên quan trong hoạt động du lịch. Tình trạng đeo bám, ép khách khai thác bừa bãi các tài nguyên du lịch đã có ảnh hưởng không tốt đến hình ảnh du lịch của Hải Dương cũng như làm suy thoái các nguồn tài nguyên du lịch

Trong hoạt động phát triển du lịch thời gian qua, vấn đề xã hội hoá du lịch cũng đã và đang được thực hiện. Tuy nhiên bên cạnh những tích cực việc phát triển quá nhanh hệ thống các doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn, lữ hành vượt quá năng lực quản lý đã tạo thêm sức nặng cho xã hội về những tiêu cực nảy sinh (phá giá, gây hỗn loạn trong kinh doanh, các tệ nạn xã hội ...) Đây là một vấn đề ảnh hưởng ngược lại đối với phát triển du lịch bền vững từ góc độ xã hội.

Mọi hoạt động phát triển bền vững nếu được sự ủng hộ của xã hội nói chung, của cộng đồng nơi diễn ra hoạt động đó nói riêng. Hoạt động du lịch cũng nằm ngoài quy luật này.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHO VIỆC BẢO TỒN, TÔN TẠO, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG CỦA TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1 Giải pháp về tổ chức quản lý và quy hoạch

Bất cứ một ngành kinh tế nào muốn phát triển đều phải được tổ chức quản lý và quy hoạch một cách cẩn trọng đặc biệt là ngành du lịch thì quản lý và quy hoạch là rất cần thiết bởi hoạt động du lịch phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên. Nếu không có sự quản lý và quy hoạch thì sẽ dẫn đến nguồn tài nguyên bị khai thác cạn kiệt và sự chông chéo trong việc khai thác giữa các ngành kinh tế: công nghiệp, nông nghiệp, du lịch gây huỷ hoại tài nguyên. Việc quản lý còn đưa ra những chủ trương, chính sách, giúp cho các tổ chức hoạt động kinh doanh du lịch hoạt động đúng hướng đảm bảo an ninh quốc gia trật tự an toàn xã hội.

Trong những năm qua công tác quản lý và quy hoạch ở Hải Dương còn nhiều bất cập: ở các điểm du lịch Sở Thương mại - Du lịch Hải Dương phối hợp chưa có hiệu quả với chính quyền địa phương nơi có tài nguyên du lịch trong việc bảo vệ cảnh quan cũng như việc bày bán các hàng hoá tại các điểm du lịch, công tác quản lý các tổ chức kinh doanh du lịch, nhà hàng khách sạn còn lỏng lẻo do các cơ sở này còn hoạt động tự phát. Về việc quy hoạch tuy đã được tiến hành song quy hoạch còn chậm, quy hoạch treo chưa có quy hoạch chi tiết... do đó chưa thu hút được đầu tư.

Để thực hiện tốt việc quản lý và quy hoạch trong lĩnh vực du lịch cần thực hiện:

Việc quản lý cần:

Tổ chức các lớp bồi dưỡng về quản lý cho các ban quản lý ở các di tích, các điểm du lịch để họ có những kiến thức quản lý giúp cho việc bảo tồn các tài nguyên tốt hơn. Đồng thời tăng cường quyền hạn cho các ban quản lý trong khi giải quyết tình trạng xâm lấn, phá hoại di tích.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy của Sở thương mại và Du lịch để tăng cường quản lý nhà nước đối với cơ sở kinh doanh du lịch, các điểm tài nguyên. Đồng thời cần đưa ra một cơ chế phù hợp tránh sự chồng chéo về cơ chế giữa chính quyền địa phương và ngành du lịch nhất là quản lý đất đai ở các khu, điểm du lịch.

UBND tỉnh Hải Dương cần xem xét và thành lập cơ quan chuyên quản lý về du lịch ở các huyện có điểm du lịch để giúp cho Sở thương mại và Du lịch quản lý các cơ sở kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện và Ban quản lý di tích được nhanh chóng và thuận tiện, nâng cao được hiệu quả quản lý.

Cần đưa ra một số biện pháp để quản lý tình trạng lộn xộn của các tổ chức kinh doanh, các nhà hàng, khách sạn. Đặc biệt là phải chấn chỉnh các hộ kinh doanh dịch vụ nhỏ ở các điểm du lịch trong việc bày bán hàng hoá không đúng quy định, chèo kéo khách.

Về công tác quy hoạch

Trong khi tiến hành quy hoạch cần xác định phạm vi bảo vệ tuyệt đối cho các di tích lịch sử văn hoá, các danh lam thắng cảnh... giúp cho việc bảo tồn này được tốt hơn.

Nhanh chóng quy hoạch chi tiết điểm du lịch chức năng như quy hoạch bảo tồn khai thác các di tích lịch sử văn hoá, các làng nghề, lễ hội... để thu hút đầu tư, nhanh chóng đưa vào khai thác, đảm bảo nguyên tắc phát triển bền vững.

Trong các giải pháp thực hiện quy hoạch thì ngành du lịch Hải Dương cần chú trọng việc ban hành các chính sách ưu đãi, thu hút các nhà đầu tư trong và nước ngoài, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân trong tỉnh kinh doanh du lịch.

3.2 Giải pháp về tôn tạo tài nguyên theo quan điểm phát triển du lịch bền vững

Theo hội đồng du lịch và lữ hành quốc tế: “ Du lịch bền vững là việc đáp ứng các nhu cầu hiện tại của du khách và vùng du lịch mà vẫn đảm bảo những khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch cho các thế hệ tương lai”

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Từ quan điểm phát triển du lịch bền vững nói trên việc phát triển du lịch không chỉ để đáp ứng các nhu cầu hiện tại của con người mà nó còn cần được giữ gìn cho thế hệ tương lai và họ phải được hưởng tất cả những gì mà thế hệ trước được hưởng. Do đó trong việc tôn tạo khai thác tài nguyên cần phải đảm bảo sự bền vững và có thể đưa ra một số giải pháp sau:

Đối với loại tài nguyên tự nhiên: cần ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng, phá các cây cổ thụ tại các khu danh thắng tiến hành thu gom xử lý nước thải, rác thải tại các điểm du lịch đặc biệt là ở hệ thống các hồ lớn có cảnh quan đẹp.

Khi đón tiếp khách du lịch cần tính đến sức chứa ở các điểm thăm quan.

Tại các hang động của huyện Kinh Môn cần phải làm khung chắn để tránh lấy nhũ đá, khắc chữ, phá hoại hang động. Trong khi cải tạo hang động thì cần hạn chế sự tác động của con người làm mất đi vẻ đẹp tự nhiên vốn có, UBND tỉnh Hải Dương, Sở thương mại – Du lịch và các ban ngành liên quan cần phải họp bàn để đưa ra các biện pháp nhằm chấm dứt tình trạng khai thác đá vôi của người dân và của các công ty xi măng của tỉnh nếu không các hang động này trong tương lai sẽ không còn.

Tại khu vực Đảo Cò cần thành lập tổ nghiên cứu về môi trường, nghiên cứu và bảo vệ phát triển đàn cò. Đồng thời có biện pháp bảo vệ đàn cò trước những dịch bệnh tránh nguy cơ huỷ diệt (nhất là dịch cúm gia cầm vừa qua). Trong khi khai thác phục vụ nhu cầu của khách thì cần phải hạn chế việc làm nhiễu loạn đàn cò nhất là việc chụp hình, đi thuyền vào sát đảo hay một số hành động vô ý thức của khách. Muốn vậy thì cần phải xây dựng một số chòi quan sát ven hồ được trang bị hệ thống ống nhòm để không gây ảnh hưởng tới đàn cò.

Đối với các tài nguyên nhân văn : Việc trùng tu, tôn tạo các di tích cần phải đảm bảo tối đa tính khoa học, tính hiện thực lịch sử và các yêu cầu về kĩ thuật, thẩm mỹ đối với các công trình, đảm bảo được giá trị ban đầu của di tích (nhất là đối với các di tích nhiều tuổi) . Hạn chế đến mức thấp nhất việc bê tông hoá ở những chỗ bãi đỗ xe, đường dẫn vào di tích. Trước khi tiến hành trùng tu các di

tích cần phải có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia, những người có kinh nghiệm để tránh việc xây dựng các công trình thiếu đồng bộ, không phù hợp làm giảm giá trị của di tích.

Bên cạnh đó để bảo vệ các di tích khảo cổ học, tượng cổ nên làm rào chắn. Các hiện vật được khai quật cần phải xây dựng các nhà truyền thống, nhà bảo tàng tại các khu vực đó để trưng bày, giữ gìn cổ vật. Để tránh tình trạng đánh cắp cổ vật thì chỉ nên trưng bày những cổ vật, hiện vật giả.

Các lễ hội khi đưa vào khai thác phát triển du lịch cần dành không gian riêng để bảo tồn các nghi lễ truyền thống tránh việc thương mại hoá lễ hội (như việc tổ chức các nghi lễ phải tiến hành một cách trang nghiêm).

Cần phục hồi các làng nghề truyền thống đang có nguy cơ bị thất truyền bằng cách mở các lớp đào tạo cho các nghệ nhân trẻ, những người kế cận. Hàng năm có thể mở các hội thi tay nghề để tạo ra những sản phẩm có giá trị và nâng cao được tay nghề, lòng hăng say làm việc, giúp họ yêu nghề hơn. Các sản phẩm truyền thống đạt giải cao ở các cuộc thi được trưng bày và bán cho khách. Nguồn thu từ các sản phẩm đó có thể cho vào quỹ hỗ trợ phát triển làng nghề, giúp đỡ những hộ sản xuất thiếu vốn.

Cần xây dựng các nhà biểu diễn nghệ thuật tại các khu di tích.

3.3 Giải pháp về tăng cường thu hút vốn đầu tư

Hải Dương là tỉnh có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, việc khai thác các nguồn tài nguyên du lịch vào việc phát triển du lịch vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Vì vậy ngành du lịch Hải Dương cần phải tăng cường khai thác và thu hút đầu tư để khai thác hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên đưa ngành du lịch của tỉnh ngày càng phát triển. Tăng cường khai thác trên cả hai góc độ : Khai thác các loại tài nguyên, các điểm du lịch tiềm năng.

Đối với các tài nguyên các điểm du lịch đã khai thác thì cần phải hoàn thiện hơn nữa hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng để đảm bảo việc khai thác tài nguyên du lịch được thuận lợi và ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu

của du khách. Trong đó các nguồn tài nguyên vẫn phải được bảo tồn tránh hiện tượng xây dựng các công trình kỹ thuật xâm hại đến tài nguyên.

Đối với các tài nguyên còn ở dạng tiềm năng muốn đưa vào khai thác cần phải nghiên cứu kỹ về khả năng đáp ứng nhu cầu thị hiếu, nhu cầu của du khách cũng như việc thu hút đầu tư để xây dựng thành các điểm du lịch. Khi nghiên cứu phải đưa ra các sản phẩm du lịch độc đáo có sức thu hút khách du lịch tránh việc khai thác tràn lan không thu hút được khách và phải chú ý tới việc bảo vệ môi trường.

Chính sách thu hút đầu tư sẽ giúp cho việc bảo tồn, tôn tạo, khai thác tài nguyên và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của du khách. Muốn vậy thì ngành du lịch của Hải Dương cần tiến hành các loại quy hoạch, có chính sách ưu đãi đầu tư, tạo môi trường thông thoáng hấp dẫn.

Cần ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực bảo tồn, tôn tạo tài nguyên như đầu tư bảo vệ đàn cò đảm bảo sự lưu trú lâu dài của chúng, hay đầu tư trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá đang bị xuống cấp nghiêm trọng.... Khi thu hút đầu tư tránh sự đầu tư dàn trải.

Về chính sách ưu đãi thu hút đầu tư thì UBND tỉnh Hải Dương có thể miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% năm tiếp theo hoặc một số ưu đãi khác như lãi suất ngân hàng trả chậm hay tạo mọi điều kiện về thủ tục hành chính, đảm bảo thời gian nhanh nhất với cơ chế “một cửa một đầu mối”.

Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào các lĩnh vực như các cơ sở vui chơi giải trí hiện đại, các khách sạn hiện đại và tiện nghi 3 – 5 sao, các siêu thị lớn... để đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, mua sắm của du khách đặc biệt là khuyến khích đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường đây là khâu rất yếu của ngành du lịch Hải Dương.

3.4 Giải pháp về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực trong ngành du lịch của Hải Dương thiếu về số lượng, yếu kém về mặt chất lượng, trình độ chuyên môn thấp, chưa được đào tạo bài bản.

Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển du lịch bền vững

Muốn phát triển được thì ngành du lịch Hải Dương cần có những giải pháp cho nguồn nhân lực trong đó đặc biệt chú ý đến công tác đào tạo nguồn nhân lực. Bởi sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ, những biến động trong nhu cầu của khách du lịch dẫn tới đòi hỏi phải thường xuyên đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân viên để có thể theo kịp những xu hướng phát triển đó. Công tác giáo dục đào tạo nguồn nhân lực sẽ nâng cao được chất lượng nguồn lao động. Do đó có thể thực hiện một số giải pháp sau:

Thường xuyên trang bị cho đội ngũ cán bộ nhân viên các hướng dẫn về các kiến thức để họ nhận thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ tài nguyên, tuyên truyền hướng dẫn cho du khách.

Tổ chức phân loại trình độ của toàn bộ cán bộ, nhân viên, sa thải những cán bộ, nhân viên yếu kém, số nhân viên còn lại cần có kế hoạch đào tạo lại để họ nắm bắt được xu thế phát triển hiện nay giúp họ trang bị được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để nâng cao chất lượng phục vụ khách.

Lựa chọn những cán bộ giỏi, có trình độ chuyên môn, có tầm nhìn chiến lược... đi học tập kinh nghiệm quản lý ở một số nước có ngành du lịch phát triển.

Cần bố trí chỗ làm việc đúng với trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên để họ phát huy được đầy đủ năng lực của mình. Đồng thời cần tạo điều kiện để họ yên tâm làm việc nâng cao trình độ tay nghề.

Thường xuyên tiến hành nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên phục vụ trong ngành du lịch, nhất là đội ngũ nhân viên trong khách sạn hay các hướng dẫn viên vì đây là những người trực tiếp tiếp xúc với du khách. Muốn vậy thì ngành Du lịch Hải Dương cần phải tạo điều kiện thu hút các sinh viên mới tốt nghiệp ra trường thuộc các chuyên ngành du lịch về làm việc tại tỉnh. Họ là những người trẻ tuổi năng động, nhiệt tình được đào tạo chính quy chắc chắn sẽ giúp cho ngành du lịch của tỉnh phát triển.

Hàng năm ngành du lịch Hải Dương có thể hợp tác với các khoa du lịch của các trường đại học và cao đẳng để có kế hoạch đào tạo hoàn chỉnh và lâu dài.

3.5 Giải pháp về giáo dục cộng đồng

Một trong những yếu tố góp phần tích cực vào việc bảo vệ nguồn tài nguyên và môi trường du lịch đó chính là việc giáo dục cộng đồng. Hiện nay các loại tài nguyên đặc biệt là tài nguyên du lịch nhân văn đang bị xuống cấp nghiêm trọng và bị mai một dần, môi trường ở các điểm du lịch lại đang bị ô nhiễm do hiện tượng vứt rác bừa bãi. Trong khi đó dân cư địa phương và du khách lại chưa thấy hết được giá trị của tài nguyên, chưa có ý thức bảo vệ môi trường. Do đó cần có kế hoạch tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân và du khách về giá trị của tài nguyên, về giữ gìn cảnh quan môi trường cụ thể là:

Đối với cộng đồng cư dân địa phương cần tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về giá trị của các loại tài nguyên với hoạt động du lịch, giáo dục nâng cao nhận thức, hiểu biết của họ về du lịch, du khách từ đó tạo cho họ thái độ ứng xử lịch sự, văn minh thể hiện lòng hiếu khách. Đồng thời giúp cho người dân hiểu được rằng hoạt động du lịch sẽ tạo ra công ăn việc làm và làm giàu cho họ. Từ đó họ sẽ tích cực bảo vệ, tôn tạo và đóng góp nhiều tiền của để trùng tu tôn tạo nhiều di tích lịch sử văn hoá, có ý thức khôi phục và duy trì các làng nghề truyền thống, các loại hình nghệ thuật để phục vụ du khách. Ngoài ra còn hạn chế những ứng xử không đẹp với khách du lịch như: ép giá các mặt hàng, ăn xin.... Làm xấu đi hình ảnh của du lịch Hải Dương trong lòng khách.

Giáo dục tuyên truyền nhân dân không chỉ có ý thức bảo vệ tôn tạo các tài nguyên mà còn tuyên truyền nhân dân khi xây dựng nhà ở phải phù hợp với cảnh quan của điểm du lịch và các di tích.

Bên cạnh đó cần giáo dục nhân dân về việc giữ gìn môi trường ở các khu điểm du lịch. Các hình thức tuyên truyền bằng các phương tiện truyền thanh, tranh hình ảnh hay phối hợp với tinh đoàn, Sở khoa học và môi trường, và các ngành khác tổ chức các cuộc thi “ Tuổi trẻ vì màu xanh quê hương” ở các điểm du lịch của tỉnh. Có thể mở các câu lạc bộ tuyên truyền bảo vệ tài nguyên và môi trường mà nòng cốt là người dân địa phương, những người có tâm huyết,

nhiệt tình. Họ sẽ là những người tuyên truyền có hiệu quả hơn nhiều, được người dân tin tưởng và làm theo.

Hàng năm cần dành một tỷ lệ thoả đáng từ nguồn thu du lịch cho các chương trình giáo dục nâng cao hiểu biết của cộng đồng đối với các loại tài nguyên và môi trường.

Đối với du khách: thì cần tuyên truyền, giáo dục họ không được xả rác bừa bãi cũng như không nên có hành động phá hoại tại các điểm du lịch Muốn vậy tại các điểm du lịch cần có hệ thống thùng chứa rác, các biển chỉ dẫn, báo hiệu hay làm các rào chắn để du khách không đến gần được các hiện vật.

3.6 Giải pháp về nghiên cứu thị trường và quảng bá du lịch.

Công tác nghiên cứu thị trường và quảng bá du lịch là rất cần thiết bởi sản phẩm du lịch là sản phẩm vô hình, trong khi đó nguồn khách lại phân tán. Để nghiên cứu thị trường và quảng bá du lịch có hiệu quả cần thực hiện các công việc sau:

Nghiên cứu thị trường cần tập trung vào việc nghiên cứu sở thích, nhu cầu thị hiếu, những nét riêng về truyền thống văn hoá của từng thị trường khách trong nước và nước ngoài. Từ đó có thể chủ động đáp ứng nhu cầu của du khách tạo ra sản phẩm du lịch có chất lượng và có thể cạnh tranh trên thị trường.

Ngoài ra cần nghiên cứu thị trường tiềm năng của Hải Dương để có thể đáp ứng nhu cầu thị trường này trong tương lai.

Mở rộng mối quan hệ với các thị trường ngoài tỉnh đặc biệt là Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh để có thể kết hợp tạo ra những chương trình du lịch dài ngày, thành lập được các tuyến du lịch với nhiều điểm hấp dẫn.

Hoạt động quảng bá du lịch cần tiếp tục đưa thông tin về các điểm du lịch của Hải Dương thông qua các ấn phẩm như tập gấp, tờ rơi, sách hướng dẫn du lịch Thường xuyên đăng tải các tin bài về du lịch Hải Dương trên báo đài của tỉnh và Trung ương.

Liên kết hợp tác với các Công ty , trung tâm lữ hành trong nước và quốc tế để mở rộng các chi nhánh, văn phòng đại diện du lịch tại các thị trường trọng điểm để trực tiếp quảng bá thu hút khách du lịch.

3.7 Mục tiêu, phương hướng và một số nhiệm vụ chủ yếu thực hiện năm 2009.

Mục tiêu:

Khách du lịch đạt 2.000.000 lượt, tăng 9,89% so với năm 2008. Khách do các cơ quan lưu trú phục vụ 450.000 lượt, tăng 11,94% so với năm 2008, trong đó khách quốc tế 95.000 lượt tăng 11,76% so với năm 2008, khách nội địa 355.000 lượt tăng 11,99% so với năm 2008. Tổng doanh thu du lịch đạt 600 tỷ đồng, tăng 13,21% so với năm 2008.

Phương hướng:

Năm 2009 tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch trên phạm vi toàn tỉnh. Hoàn thành kế hoạch công tác năm 2009.

Nhiệm vụ trong năm 2009:

—Tiếp tục triển khai các bước trong đề án “ phát triển dịch vụ du lịch tỉnh Hải Dương giai đoạn 2006- 2010”

—Tiến hành chỉnh lý, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020 trình UBND tỉnh phê duyệt.

—Triển khai thực hiện hành động quốc gia về du lịch năm 2009.

—Khảo sát, lập hồ sơ tuyến, điểm, khu du lịch trên phạm vi toàn tỉnh.

—Mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ buồng, bàn, bar, lễ tân, thuyết minh viên cho các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, các khu, điểm du lịch trong tỉnh.

—Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày du lịch Việt Nam 9/7 và ngày du lịch thế giới 27/9 và phổ biến các văn bản pháp quy về du lịch.

—Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động du lịch trên phạm vi toàn tỉnh.

—Xây dựng cuốn sách hình ảnh, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch Hải Dương.

***Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển
du lịch bền vững***

—Tăng cường phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm kê các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trong toàn tỉnh.

—Thực hiện các công tác quản lý nhà nước về du lịch.

Một số kiến nghị, đề xuất năm 2009.

Đề xuất với tổng cục du lịch:

—Trong điều kiện Hải Dương còn khó khăn về vốn, để bảo đảm từng bước đầu tư đồng bộ đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch Kính đề nghị Bộ văn hoá - Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch liên tiếp tục quan tâm hỗ trợ cấp kinh phí để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch, hỗ trợ kinh phí để Hải Dương thực hiện tốt Chương trình quốc gia về du lịch năm 2009.

—Đề nghị Bộ Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Tổng cục du lịch hỗ trợ kinh phí cho hoạt động xúc tiến, đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch, hỗ trợ phát triển các làng nghề du lịch, bảo vệ môi trường du lịch.

Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh:

—Đề nghị với UBND tỉnh kiện toàn lại Ban chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh để tạo điều kiện tốt trong việc quản lý quy hoạch , đầu tư, kinh doanh, trật tự, vệ sinh môi trường trong hoạt động du lịch, phù hợp với quy định của luật Du lịch.

—Cấp kinh phí thực hiện điều chỉnh , bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020 và kinh phí đào tạo nguồn nhân lực.

—Thành lập trung tâm xúc tiến du lịch và cấp kinh phí thực hiện công tác xúc tiến, quảng bá, giới thiệu tiềm năng phát triển du lịch Hải Dương.

Kết luận

Hải Dương nằm trong vùng du lịch Bắc Bộ, tuy tài nguyên du lịch không phong phú, đặc sắc, hấp dẫn như Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh song tài nguyên du lịch Hải Dương cũng phong phú đa dạng, và có sức hấp dẫn nhất định đối với khách du lịch.

Hải Dương là nơi hội tụ đầy đủ các điều kiện về vị trí địa lý, nguồn tài nguyên du lịch (các hang động, khu sinh thái đảo cò, các di tích lịch sử văn hoá, các lễ hội truyền thống, các làng nghề, các loại hình nghệ thuật hay các món ăn đặc sản), cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch. Tuy nhiên các nguồn tài nguyên này mới ở dạng tiềm năng chưa được khai thác, một số đã được sử dụng nhưng chưa có những biện pháp khai thác hợp lý. Trong những năm qua ngành du lịch Hải Dương cũng đang tích cực nghiên cứu và đưa vào khai thác nhiều tài nguyên có giá trị: làng nghề, nhiều di tích lịch sử gắn liền với những sự kiện lịch sử và lễ hội có sức hấp dẫn du lịch nhằm thu hút khách nhiều hơn.

Để du lịch Hải Dương thực sự phát triển và khai thác tốt được các lợi thế và tiềm năng của mình thì cần có những giải pháp cho phát triển du lịch lâu dài. Những giải pháp và định hướng của tác giả bài khoá luận mới chỉ là suy nghĩ ban đầu dựa trên nghiên cứu thực tế và những tri thức khoa học đã tích lũy được nên cần có sự bổ sung đầy đủ hơn để giải pháp này có thể triển khai ngoài thực tế.

Là một sinh viên đại học do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên việc tìm hiểu nội dung này vẫn dựa trên lý thuyết chưa đánh giá được chính xác các loại tài nguyên và chưa có những giải pháp mang tính khả thi. Vì vậy việc đánh giá còn nhiều hạn chế rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô, các nhà khoa học.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài	2
2.1 Mục đích.....	2
2.2 Nhiệm vụ của đề tài.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
4. Khó khăn và thuận lợi khi lựa chọn đề tài	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Kết cấu của khoá luận	3
CHƯƠNG 1: TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ VẤN ĐỀ BẢO TỒN TÀI NGUYÊN DU LỊCH.....	4
1.1 Tài nguyên du lịch.....	4
1.1.1. Khái niệm về tài nguyên - du lịch.	4
1.1.2. Đặc điểm của tài nguyên du lịch.	4
1.1.3. Ý nghĩa của tài nguyên du lịch.....	6
1.1.4. Các loại tài nguyên du lịch.	7
1.2 Vấn đề bảo vệ tài nguyên du lịch.	8
1.2.1 Khái niệm	8
1.2.2 Khái niệm về du lịch bền vững.....	9
1.2.3 các nguyên tắc cơ bản của phát triển du lịch bền vững.	10
1.2.4 Mối quan hệ giữa khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch.....	16
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KHAI THÁC TÀI NGUYÊN VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở HẢI DƯƠNG.....	17
2.1 Hải Dương địa văn hoá và tài nguyên phát triển du lịch.	17
2.1.1 Vài nét khái quát về tỉnh Hải Dương	17
2.1.2 Tiềm năng tài nguyên du lịch Hải Dương.....	19
2.1.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên	19

**Tài nguyên du lịch Hải Dương - vấn đề khai thác nhằm phát triển
du lịch bền vững**

2.1.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn	31
2.1.2.3 Âm thực	37
2.1.3 Đánh giá chung về tài nguyên du lịch Hải Dương.....	38
2.2 Thực trạng phát triển du lịch Hải Dương.....	40
2.2.1 Thực trạng các hoạt động của du lịch Hải Dương.	40
2.2.2 Hiện trạng về khai thác tài nguyên và môi trường du lịch.....	46
2.2.2.1 Mức độ và hiệu quả của khai thác tài nguyên du lịch.....	46
2.2.2.2 Những tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên và môi trường...	51
2.2.2.3 Đóng góp cho hoạt động bảo tồn từ du lịch.....	54
2.2.3 Những vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững của Hải Dương	54
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHO VIỆC BẢO TỒN, TÔN TẠO, KHAİ THÁC TÀI NGUYÊN NHẢM PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG CỦA TỈNH HẢI DƯƠNG	58
3.1 Giải pháp về tổ chức quản lý và quy hoạch	58
3.2 Giải pháp về tôn tạo tài nguyên theo quan điểm phát triển du lịch bền vững	59
3.3 Giải pháp về tăng cường thu hút vốn đầu tư.....	61
3.4 Giải pháp về nguồn nhân lực.....	62
3.5 Giải pháp về giáo dục cộng đồng.....	64
3.6 Giải pháp về nghiên cứu thị trường và quảng bá du lịch.	65
3.7 Mục tiêu, phương hướng và một số nhiệm vụ chủ yếu thực hiện năm 2009.....	66
KẾT LUẬN